

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN HÓA HỌC 12 NĂM HỌC 2021-2022**1. Đề cương ôn tập giữa HK1 môn Hóa học 12****ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN HÓA HỌC 12
NĂM HỌC 2021-2022****1. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM****1.1. ESTE**

- Khái niệm về este và một số dẫn xuất của axit cacboxylic (đặc điểm cấu tạo phân tử, danh pháp gốc – chức), tính chất vật lí.
- Phương pháp điều chế este của ancol, phenol và ứng dụng của một số este.
- Este không tan trong nước và có nhiệt độ sôi thấp hơn so với axit và ancol có khối lượng phân tử tương đương.
- Viết công thức cấu tạo của este có tối đa 4 bốn nguyên tử cacbon.
- Tính chất hóa học của este:
 - + Phản ứng ở nhóm chức: thủy phân trong môi trường axit hoặc bazơ.
 - + Phản ứng ở gốc hidrocacbon: cộng, trùng hợp, thế, ...
- Viết phương trình phản ứng minh họa tính chất hóa học của este.
- Phân biệt được este với các chất khác như ancol, axit, ...
- Giải được các bài tập:
 - + Xác định khối lượng este tham gia phản ứng xà phòng hóa và sản phẩm.
 - + Xác định công thức phân tử hoặc công thức cấu tạo của este.
 - + Tính hiệu suất phản ứng este hóa.
 - + Phản ứng đốt cháy este.

1.2. CHẤT BÉO

- Khái niệm, phân loại lipit và trạng thái tự nhiên.
- Khái niệm chất béo, tính chất vật lí, ứng dụng của chất béo.
- Tính chất hóa học của chất béo (phản ứng thủy phân trong môi trường axit hoặc bazơ, phản ứng hidro hóa chất béo lỏng, phản ứng oxi hóa gốc axit béo không no).
- Viết phương trình phản ứng minh họa tính chất hóa học của chất béo.
- Giải được các bài tập:
 - + Xác định khối lượng chất béo tham gia phản ứng xà phòng hóa và khối lượng xà phòng hoặc glixerol.
 - + Phản ứng đốt cháy chất béo.
 - + Chất béo không no tác dụng với H_2/Br_2 .

1.3. GLUCOZO

- Khái niệm phân loại cacbohidrat.
- Tính chất vật lí, trạng thái tự nhiên, ứng dụng, đồng phân glucozo.
- Các dữ kiện thực nghiệm chứng minh cấu tạo dạng mạch hở của glucozo.
- Viết công thức cấu tạo dạng mạch hở của glucozo và fructozo.
- Tính chất hóa học của glucozo:
 - + Tính chất của ancol đa chức.
 - + Tính chất của anđehit đơn chức.
 - + Phản ứng lên men.
- Viết phương trình phản ứng minh họa tính chất hóa học của glucozo.
- Phân biệt được glucozo với các chất khác như glixerol, anđehit, ...
- Giải được các bài tập:
 - + Xác định khối lượng glucozo tham gia phản ứng và sản phẩm trong các phản ứng tráng gương, lên men, ...

1.4. SACCAROZO, TINH BỘT VÀ XENLULOZO

- Cấu trúc phân tử, tính chất vật lí của saccarozo, tinh bột và xenlulozo.
- Sự chuyển hóa tinh bột trong cơ thể và sự tạo thành tinh bột trong cây xanh.
- Tính chất hóa học của saccarozo (phản ứng của ancol đa chức, phản ứng thủy phân), tinh bột (phản ứng thủy phân, phản ứng với iot) và xenlulozo (phản ứng thủy phân, phản ứng với HNO₃ đặc, ...).
- Viết phương trình phản ứng minh họa tính chất hóa học của saccarozo, tinh bột và xenlulozo.

1.5. AMIN

- Khái niệm, phân loại, danh pháp, đồng phân của amin.
- Tính chất vật lí, ứng dụng của amin.
- Viết CTCT của amin đơn chức, xác định được bậc của amin theo công thức cấu tạo.
- Đặc điểm cấu tạo và tính chất hóa học của amin:
 - + Tính chất của nhóm -NH₂ (tính bazơ).
 - + Anilin có phản ứng thế ở nhân thơm.
- Viết phương trình phản ứng minh họa tính chất hóa học của amin.
- Phân biệt được anilin với phenol bằng phương pháp hóa học.
- Giải được các bài tập:
 - + Xác định khối lượng amin tham gia phản ứng và sản phẩm trong các phản ứng với axit.
 - + Xác định CTCT của amin.
 - + Phản ứng đốt cháy amin.

2. LUYỆN TẬP

Câu 1: Số lượng đồng phân este của C₃H₆O₂, C₄H₈O₂ lần lượt là:

A. 2 và 3

- B. 3 và 6
- C. 4 và 6
- D. 2 và 4

Câu 2. Phát biểu Đúng là:

- A. Khi thủy phân este trong môi trường bazơ là phản ứng thuận nghịch
- B. Phản ứng giữa axit và ancol khi có H_2SO_4 đặc là phản ứng một chiều.
- C. Phản ứng thủy phân este trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch
- D. Tất cả các este phản ứng với dung dịch kiềm luôn thu được sản phẩm cuối cùng là muối và ancol

Câu 3: Este X có CTPT là $C_4H_8O_2$. Cho X tác dụng với dung dịch NaOH tạo ra ancol metylic. CTCT của X

- A. $CH_3COOCH_2CH_3$
- B. $CH_2CH_3COOCH_3$
- C. $HCOOCH_2CH_2CH_3$
- D. $HCOOCH_2(CH_3)_2$

Câu 4: Thủy phân este X có CTPT là $C_4H_8O_2$ trong dung dịch NaOH thì thu được chất hữu cơ có công thức phân tử là $C_2H_5O_2Na$. Tên gọi của X là

- A. etyl axetat
- B. metyl propionat
- C. propyl format
- D. isopropyl format

Câu 5. Trong các công thức sau, công thức nào không phải là của chất béo?

- A. $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$
- B. $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$
- C. $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$
- D. $(C_4H_9COO)_3C_3H_5$

Câu 6. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Chất béo là trieste của glixerol và axit hữu cơ
- B. Tất cả chất béo đều cho phản ứng cộng với Hidro
- C. Dầu ăn và dầu bôi trơn máy có cùng thành phần nguyên tố
- D. Chất béo không tan trong nước nhưng tan trong các dung môi hữu cơ

Câu 7: Chỉ ra trật tự tăng dần nhiệt độ sôi

- A. ancol etylic < axit axetic < metylfomat
- B. ancol etylic < axit axêtic < metylfomat
- C. metyl fomat < ancol etylic < axit axêtic
- D. axit axetic < metylfomat < ancol etylic

Câu 8: Phát biểu nào về tính chất vật lí là không đúng

- A. Chất béo là chất lỏng, không tan trong nước, tan nhiều trong các dung môi hữu cơ
- B. Chất béo chứa chủ yếu các gốc Hidro cacbon không no của axit béo thường là chất lỏng ở nhiệt độ thường
- C. Chất béo là thành phần chính của dầu, mỡ động thực vật
- D. Chất béo chứa chủ yếu các gốc Hidro cacbon no của axit béo thường là chất rắn ở nhiệt độ thường

Câu 9: Hidro hóa (xúc tác Ni, t^o) chất béo A thì thu được B. Cho tác dụng với dung dịch NaOH thì thu được glixerol và muối natriesteat. Tên gọi của A là

- A. triolein B. tripanmitin C. tristearin D. triliolein

Câu 10: Phát biểu nào sau đây không Đúng

- A. Xà phòng và chất giặt rửa tổng hợp có tác dụng giặt rửa như nhau
- B. Xà phòng bị mất tác dụng trong nước cứng
- C. Chất giặt rửa tổng hợp dễ bị phân hủy bởi sinh vật nên không gây ô nhiễm môi trường
- D. Chất giặt rửa tổng hợp tạo kết tủa với Ca²⁺, Mg²⁺ trong nước cứng

Câu 11: Đốt cháy hoàn toàn 8,8 gam este X thu được 17,6 gam CO₂ và 7,2 gam H₂O. Công thức phân tử của este là

- A. C₄H₈O₄
- B. C₄H₈O₂
- C. C₂H₄O₂
- D. C₃H₆O₂

Câu 12: Cho 14,8 gam một este của axit cacboxylic no đơn chức và ancol no đơn chức phản ứng vừa hết với 200 ml dung dịch NaOH 1M. Cấu tạo của este là

- A. HCOOCH₃
- B. CH₃COOCH₃
- C. CH₃COOC₂H₅
- D. HCOOC₃H₇

Câu 13: X là một este no, đơn chức mạch hở có tỷ khối hơi đối với CH₄ là 5,5. Nếu đem đun 2,2g este X với dd NaOH dư ta thu được 2,4g muối.

- A. C₂H₅COOCH₃
- B. CH₃COOC₂H₅
- C. HCOOC₃H₇
- D. HCOOCH₃

Câu 14: Xà phòng hoá hoàn toàn 17,24 gam chất béo cần vừa đủ 0,06 mol NaOH. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được khối lượng xà phòng là

- A. 16,68 gam.
- B. 18,38 gam.
- C. 18,24 gam.

D. 17,80 gam

Câu 15: Chỉ số axit là số miligam KOH cần để trung hòa lượng axit béo tự do có trong 1 gam chất béo. Khối lượng KOH cần dùng để trung hòa 10 gam chất béo có chỉ số axit là 4 là

A. 0,04

B. 0,56

C. 0,4

D. 0,056

Câu 16: Xà phòng hoá hoàn toàn 26,7 gam chất béo bằng dung dịch NaOH thì thu được 2,76 gam Glixerol và a gam xà phòng. Biết hiệu suất phản ứng là 80%. Giá trị của a là

A. 22,104

B. 24,651

C. 15,355

D. 22,032

Câu 17. Ứng với công thức phân tử C_3H_9N có bao nhiêu đồng phân ?

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

Câu 18: Có bao nhiêu đồng phân cấu tạo của amin bậc I có công thức phân tử $C_4H_{11}N$?

A. 4

B.6

C.8

D.10

Câu 19: Số đồng phân của amin thơm ứng với CTPT C_7H_9N là

A. 1

B.2

C.3

D.4

A. $C_2H_5NH_2$.

B. CH_3NH_2 .

C. $C_4H_9NH_2$.

D. $C_3H_7NH_2$.

Câu 21. Trung hoà 3,1g một amin đơn chức X cần 100ml dung dịch HCl 1M. X là

A. C_2H_5N .

B. CH_5N .

C. C_3H_9N .

D. C_3H_7N .

đúng của cấu tạo $CH_3CH(CH_3)NH_2$ là

A. prop-1-ylamin.

B. etylamin.

C. đimetylamin.

D. isopropylamin.

Câu 22. Ứng với công thức phân tử $C_4H_{11}N$ có bao nhiêu cấu tạo ?

A. 8.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

Câu 23. Chọn phát biểu sai.

A. Amin được hình thành bằng cách thay thế H của amoniac bằng một hay nhiều gốc hidrocarbon.

B. Bậc của amin là bậc của nguyên tử cacbon liên kết với nhóm amin.

C. Tùy vào cấu trúc của gốc hidrocarbon, có thể phân biệt amin thành amin no, chưa no và thơm.

D. Amin có 2 nguyên tử cacbon trong phân tử bắt đầu xuất hiện hiện tượng đồng phân.

Câu 24. Giải thích về quan hệ- cấu trúc nào sau đây sai ?

A. Do có cặp electron tự do trên nguyên tử N mà amin có tính bazơ.

B. Do nhóm $-NH_2$ đẩy electron nên anilin dễ tham gia phản ứng thế vào nhân thơm hơn so với benzen và ưu tiên thế vào vị trí o-, p-.

C. Tính bazơ của amin càng mạnh khi mật độ electron trên nguyên tử nitơ càng lớn.

D. Với amin RNH_2 , gốc R hút electron sẽ làm tăng độ mạnh của tính bazơ và ngược lại.

Câu 25. Tính bazơ của các chất tăng dần theo thứ tự

A. $\text{NH}_3 < \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2 < \text{CH}_3\text{NHCH}_3 < \text{CH}_3\text{CH}_2\text{NH}_2$. B. $\text{NH}_3 < \text{CH}_3\text{CH}_2\text{NH}_2 < \text{CH}_3\text{NHCH}_3 < \text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$.

C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2 < \text{NH}_3 < \text{CH}_3\text{CH}_2\text{NH}_2 < \text{CH}_3\text{NHCH}_3$. D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2 < \text{NH}_3 < \text{CH}_3\text{NHCH}_3 < \text{CH}_3\text{CH}_2\text{NH}_2$.

Câu 26. Hiện tượng nào sau đây được mô tả **không** chính xác ?

A. Nhúng quỳ tím vào dung dịch etylamin thấy quỳ tím chuyển thành màu xanh.

B. Phản ứng giữa khí metylamin và khí hidro clorua làm xuất hiện «khói trắng».

C. Nhỏ vài giọt nước brom vào ống nghiệm chứa dung dịch anilin thấy có kết tủa trắng.

D. Thêm vài giọt phenolphtalein vào dung dịch đimetylamin thấy xuất hiện màu xanh.

Câu 27: Glucozo và fructozo

A. đều tạo dd xanh lam khi phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$

B. đều có nhóm $-\text{CHO}$ trong phân tử

C. là 2 dạng thù hình của cùng 1 chất

D. đều tồn tại chủ yếu ở dạng mạch hở

Câu 28: Cho các dd: glucozo, glixerol, fom andehit, etanol. Thuốc thử nào sau đây có thể nhận biết 4 dd trên

A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$

B. Na

C. dd $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$

D. dd Br_2

Câu 29: chất nào sau đây không tham gia pư thủy phân

A. tinh bột

B. fructozo

C. xenlulozo

D. saccarozo

Câu 30: Pư của Glucozo với chất nào sau đây có thể chứng minh Glucozo có tính oxi hóa

A. $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{NaOH}, t_0$

B. dd $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$

C. $\text{H}_2(\text{Ni}, t_0)$

D. $(\text{CH}_3\text{CO})_2\text{O}$

Câu 31 : Nhận xét nào không đúng

A. Cho Glucozo hoặc Fructozo vào dd $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ đun nóng xảy ra pư tráng bạc

B. Glucozo và Fructozo có thể tác dụng với H_2 sinh ra cùng 1 sản phẩm

C. Glucozo và Fructozo có thể tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo ra cùng loại phức đồng

D. Glucozo và Fructozo có CTPT giống nhau.

Câu 32 : Để chứng minh trong phân tử Glucozo có nhiều nhóm hydroxyl, người ta cho dd Glucozo pư với

A. $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{NaOH}$ đun nóng

B. $\text{Cu}(\text{OH})_2, t_0$ thường

C. NaOH

D. dd $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$

Câu 33: Cho a(g) Glucozo lên men thành ancol etylic với $H=75\%$. Toàn bộ khí CO_2 sinh ra hấp thụ hết vào dd nước vôi trong dư được 80g kết tủa. Giá trị của a là:

A. 72

B. 108

C. 54

D. 96

Câu 34: Người ta dùng 1 loại nguyên liệu chứa 50% Glucozo để lên men thành etanol với $H=80\%$. Để thu được 2,3 lit rượu 40⁰ cần dùng bao nhiêu kg nguyên liệu nói trên (D của $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}=0,8\text{g/ml}$)

A. 3,6

B. 1,8

C. 3,4

D. 4,2

Câu 35 : Loại thực phẩm không chứa nhiều Saccarozo là :

C. Fructozơ và ancol etylic

D. Glixerin và $\text{OH-CH}_2\text{-CH=CH}_2$

Câu 4: Cho các chất sau: axit propionic (X), axit axetic (Y), ancol etylic (Z) và etyl propionat (T). Dãy gồm các chất được sắp xếp theo chiều tăng của nhiệt độ sôi là ?

A. Y, T, X, Z.

B. T, X, Y, Z.

C. T, Z, Y, X.

D. Z, T, Y, X.

Câu 5: Rót H_2SO_4 đặc vào cốc đựng chất A màu trắng thấy A dần dần chuyển sang màu vàng, sau đó chuyển sang màu nâu và cuối cùng thành một khối đen xốp, bị bọt khí đẩy lên miệng cốc. A là chất nào trong các chất sau:

A. NaCl

B. CO_2 rắn

C. Saccarozơ

D. CuSO_4 khan

Câu 6: Cho dãy các chất: phenyl axetat, metyl benzoat, metyl metacrylat, anlyl axetat, metyl axetat, etyl fomat, triolein, vinyl axetat, tristearin. Số chất trong dãy khi thủy phân trong dung dịch NaOH loãng (dư), đun nóng sinh ra ancol là

A. 6.

B. 7.

C. 5.

D. 8.

Câu 7: Các khí sinh ra trong thí nghiệm phản ứng của saccarozơ với dung dịch H_2SO_4 đặc bao gồm:

A. H_2S và CO_2 .

B. H_2S và SO_2 .

C. SO_3 và CO_2 .

D. SO_2 và CO_2

Câu 8: Từ ancol etylic và các chất vô cơ cần thiết, ta có thể điều chế trực tiếp ra các chất nào sau đây ?

(1). Axit axetic; (2). Axetanđehit; (3). Buta-1,3-đien; (4). Etyl axetat.

A. (1), (2) và (3)

B. (1), (2) và (4)

C. (1), (3) và (4)

D. (1), (2), (3) và (4)

Câu 9: Hợp chất hữu cơ X có trong tự nhiên, khi tác dụng với hỗn hợp HNO_3 và H_2SO_4 đặc, đun nóng tạo ra hợp chất hữu cơ Y rất dễ cháy, nổ mạnh có ứng dụng làm thuốc súng không khói. Vậy X là

A. Toluen

- B. Tinh bột
- C. Phenol
- D. Xenlulozơ

Câu 10: Có các nhận định sau:

- (1) Axit salixylic còn có tên gọi khác là axit o-hidroxi benzoic
- (2) Axit oleic và axit linoleic là đồng phân của nhau
- (3) Axit axetyl salixylic tác dụng được với dung dịch NaOH theo tỉ lệ 1:2 về số mol
- (4) Khi thủy phân chất béo luôn thu được glixerol.

Số nhận định sai là

- A. 1
- B. 4
- C. 2
- D. 3

Câu 11: Trong quá trình sản xuất đường mía, để tẩy màu nước đường người ta dùng khí nào sau đây?

- A. CO₂
- B. HCl
- C. SO₂
- D. Cl₂

Câu 12: Số hợp chất là đồng phân cấu tạo, có cùng công thức phân tử C₄H₈O₂, tác dụng được với dung dịch NaOH nhưng không tác dụng được với Na là

- A. 3
- B. 2
- C. 4
- D. 1

Câu 13: Ở động vật, tinh bột được dự trữ dưới dạng glicogen ở trong:

- A. Dạ dày
- B. Máu
- C. Gan
- D. Ruột

Câu 14: Phát biểu nào sau đây sai ?

- A. Nhiệt độ sôi của este thấp hơn hẳn so với ancol có cùng phân tử khối.
- B. Trong công nghiệp có thể chuyển hoá chất béo lỏng thành chất béo rắn.
- C. Số nguyên tử hidro trong phân tử este đơn và đa chức luôn là một số chẵn.
- D. Sản phẩm của phản ứng xà phòng hoá chất béo là axit béo và glixerol.

Câu 15: Xenlulozo trinitrat là chất dễ cháy và nổ mạnh, được điều chế từ xenlulozo và axit nitric. Thể tích axit nitric 99,67% có $d = 1,52\text{g/ml}$ cần để sản xuất 59,4 kg xenlulozo trinitrat nếu hiệu suất đạt 90% là

- A. 27,72 lít
- B. 32,52 lít
- C. 26,52 lít
- D. 11,2 lít

Câu 16: Cho sơ đồ chuyển hoá:

Triolein + H_2 dư (Ni, to) \rightarrow X \rightarrow Y \rightarrow Z

Tên của Z là

- A. axit oleic.
- B. axit linoleic.
- C. axit stearic.
- D. axit panmitic.

Câu 17: Tinh bột, xenlulozo, saccarozo, mantozo đều có khả năng tham gia phản ứng

- A. hoà tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$.
- B. trùng ngưng.
- C. tráng gương.
- D. Thủy phân.

Câu 18: Khi đốt cháy hoàn toàn một este no, đơn chức thì số mol CO_2 sinh ra bằng số mol O_2 đã phản ứng. Tên gọi của este là

- A. metyl fomat.
- B. etyl axetat.
- C. metyl axetat.
- D. n-propyl axetat.

Câu 19: Cho 2,5 kg glucozo chứa 20% tạp chất lên men thành ancol etylic. Lượng ancol etylic thu được là bao nhiêu nếu ancol bị hao hụt mất 10% trong quá trình sản xuất?

- A. 2 kg
- B. 0,92 kg
- C. 1,8 kg
- D. 0,46 kg

Câu 20: Thủy phân este Z trong môi trường axit thu được hai chất hữu cơ X và Y ($M_X < M_Y$). Bằng một phản ứng có thể chuyển hoá X thành Y. Chất Z không thể là

- A. metyl propionat.
- B. metyl axetat.
- C. etyl axetat.

D. vinyl axetat.

Câu 21: Chỉ dùng duy nhất một thuốc thử nào dưới đây có thể phân biệt được 4 lọ mất nhãn chứa các chất sau: dung dịch glucozơ ; ancol etylic ; glixerol và andehit axetic.

- A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$
- B. Na
- C. NaOH
- D. $\text{Ag}_2\text{O}/\text{NH}_3$

Câu 22: Xà phòng hoá một hợp chất có công thức phân tử $\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{O}_6$ trong dung dịch NaOH (dư), thu được glixerol và hỗn hợp gồm ba muối (không có đồng phân hình học). Công thức của ba muối đó là

- A. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{COONa}$, $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{COONa}$ và HCOONa .
- B. HCOONa , $\text{CH}\equiv\text{C}-\text{COONa}$ và $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{COONa}$.
- C. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{COONa}$, HCOONa và $\text{CH}\equiv\text{C}-\text{COONa}$.
- D. CH_3-COONa , HCOONa và $\text{CH}_3-\text{CH}=\text{CH}-\text{COONa}$.

Câu 23: Trong quá trình chuyển hoá tinh bột trong cơ thể, chất nào sau đây không phải là sản phẩm của quá trình đó?

- A. Dextrin
- B. Saccarozơ
- C. Glicogen.
- D. Mantozơ.

Câu 24: Chất hữu cơ X có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_4$ tác dụng với dung dịch NaOH (đun nóng) theo phương trình phản ứng: $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_4 + 2\text{NaOH} \rightarrow 2\text{Z} + \text{Y}$.

Để oxi hoá hết a mol Y thì cần vừa đủ 2a mol CuO (đun nóng), sau phản ứng tạo thành a mol chất T (biết Y, Z, T là các hợp chất hữu cơ). Khối lượng phân tử của T là

- A. 44 đvC.
- B. 58 đvC.
- C. 82 đvC.
- D. 118 đvC.

Câu 25: Cho các dung dịch chứa các chất tan : glucozơ, fructozơ, saccarozơ, mantozơ, axit fomic, glixerol, vinyl axetat, andehit fomic. Những dung dịch vừa hoà tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường, vừa làm mất màu nước brom là?

- A. glucozơ, mantozơ, axit fomic, vinyl axetat
- B. glucozơ, mantozơ, axit fomic
- C. glucozơ, mantozơ, fructozơ, saccarozơ, axit fomic
- D. fructozơ, vinyl axetat, andehit fomic, glixerol, glucozơ, saccarozơ

Câu 26: Một hỗn hợp X gồm hai chất hữu cơ đơn chức. Cho X phản ứng vừa đủ với 500 ml dung dịch KOH 1M. Sau phản ứng, thu được hỗn hợp Y gồm hai muối của hai axit cacboxylic và một ancol. Cho toàn bộ lượng ancol thu được ở trên tác dụng với Na (dư), sinh ra 3,36 lít H_2 (ở đktc). Hỗn hợp X gồm

- A. một axit và một este.
- B. một este và một ancol.
- C. hai este.
- D. một axit và một ancol.

Câu 27: Xenlulozơ được cấu tạo bởi các gốc:

- A. α -glucozơ
- B. α -fructozơ
- C. β -glucozơ
- D. β -fructozơ

Câu 28: Cho m gam một este E vào một lượng vừa đủ KOH đun nóng thu được dung dịch X. Cô cạn X thu được 16,5 gam muối khan của một axit đơn chức và 6,9 gam một ancol đơn chức Y. Cho toàn bộ Y tác dụng với Na dư thu được 1,68 lít khí (ở đktc). Tên của E là

- A. etyl propionat
- B. etyl acrylat
- C. metyl metacrylat
- D. etyl axetat

Câu 29: Thực hiện phản ứng thủy phân a mol mantozơ trong môi trường axit(Hiệu suất thủy phân là h), sau đó trung hòa axit bằng kiềm rồi cho hỗn hợp sau phản ứng tác dụng với Ag_2O dư trong NH_3 thu được b mol Ag. Mối liên hệ giữa hiệu suất h với a và b là

- A. $h = (b - a) : a$
- B. $h = (b - 2a) : 2a$
- C. $h = (b - a) : 2a$
- D. $h = (2b - a) : a$

Câu 30: Cho 2,07 gam chất hữu cơ X (có công thức phân tử $C_7H_6O_3$) tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, sau đó làm khô, phần bay hơi chỉ có nước, phần rắn khan còn lại chứa hỗn hợp hai muối. Nung hai muối này trong oxi dư, thu được 2,385 gam Na_2CO_3 và m gam hỗn hợp khí và hơi. Số đồng phân cấu tạo của X là

- A. 3
- B. 2
- C. 5
- D. 4

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

1C	2A	3A	4C	5C	6B	7D	8A	9D	10C
----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

11C	12C	13C	14D	15A	16C	17D	18A	19B	20A
21A	22A	23B	24B	25B	26A	27C	28B	29B	30A

2.2. Đề thi giữa học kì 1 môn Hóa học 12 – Số 2

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1. Cho 20 gam hỗn hợp 3 amin đơn chức tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl 1M, cô cạn dung dịch thu được 31,68 gam hỗn hợp muối. Thể tích của dung dịch HCl 1M đã dùng?

- A. 100ml B. 50ml C. 200ml D. 320ml

Câu 2. Để trung hoà 25 gam dung dịch của một amin đơn chức X nồng độ 12,4% cần dùng 100 ml dung dịch HCl 1M. CTPT của X là:

- A. C_3H_5N B. C_2H_7N C. CH_5N D. C_3H_7N

Câu 3. Muối $C_6H_5N_2^+Cl^-$ sinh ra khí cho anilin phản ứng với $NaNO_2$ trong dung dịch HCl ở nhiệt độ thấp ($0 - 5^\circ C$). Để điều chế được 23,885 gam $C_6H_5N_2^+Cl^-$ (hiệu suất 85%), lượng $NaNO_2$ và anilin cần vừa đủ là:

- A. 0,1 mol và 0,1 mol B. 0,2 mol và 0,2 mol C. 0,2 mol và 0,1 mol D. 0,4 mol và 0,2 mol

Câu 4. Cho 4,5 gam amin X đơn chức, bậc 1 tác dụng với lượng vừa đủ dung dịch HCl thu được 8,15 gam muối. Tên gọi của X là:

- A. alanin B. dietyl amin C. đimetyl amin D. etyl amin

Câu 5. Trung hòa 6,75 gam amin no, đơn chức, mạch hở X bằng lượng dư dung dịch HCl. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 12,225 gam muối. Số đồng phân cấu tạo của X là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

Câu 6. Muối $C_6H_5N_2Cl$ (phenyldiazoni clorua) được sinh ra khi cho $C_6H_5NH_2$ tác dụng với $NaNO_2$ trong dung dịch HCl ở nhiệt độ thấp ($0 - 5^\circ C$). Để điều chế được 14,05 gam $C_6H_5N_2Cl$ (với hiệu suất 100%), lượng $C_6H_5NH_2$ và $NaNO_2$ cần dùng vừa đủ là:

- A. 0,1 mol và 0,4mol B. 0,1mol và 0,2mol C. 0,1 mol và 0,1 mol D. 0,1 mol và 0,3 mol

Câu 7. Cho 13,5 gam hỗn hợp gồm 3 amin no, đơn chức, mạch hở tác dụng vừa đủ với 300 ml dung dịch HCl xM, thu được dung dịch chứa 24,45 gam hỗn hợp muối. Giá trị của X là

- A. 1,0. B. 0,5 C. 2,0 D. 1,4

Câu 8. Hỗn hợp X gồm metylamin, etylamin và propylamin có tổng khối lượng 21,6 gam là và tỉ lệ về số mol là 1:2:1. Cho hỗn hợp X trên tác dụng hết với dung dịch HCl thu được dung dịch chứa bao nhiêu gam muối?

- A. 36,2 gam B. 39,12 gam C. 43,5 gam D. 40,58 gam

A. 0,1 B. 0,2 C. 0,3 D. 0,4

Câu 17. Cho 1,52 gam hỗn hợp 2 amin no đơn chức (trộn với số mol bằng nhau) tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch HCl, thu được 2,98 gam muối. Kết luận nào sau đây **không** chính xác?

A. Nồng độ mol/l dung dịch HCl 0,2M B. Số mol của mỗi chất 0,02 mol
C. Công thức của 2 amin CH_5N và $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$ D. Tên gọi của 2 amin metylamin và etylamin

Câu 18. Cho một hỗn hợp chứa NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ và $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$. A được trung hòa bởi 0,02 mol NaOH hoặc 0,01 mol HCl. A cũng phản ứng vừa đủ với 0,075 mol Br_2 tạo kết tủa. Số mol các chất NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ và $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ lần lượt là:

A. 0,010 mol; 0,005 mol và 0,020 mol. B. 0,005 mol; 0,005 mol và 0,020 mol.
C. 0,010 mol; 0,020 mol và 0,005 mol. D. 0,010 mol; 0,010mol và 0,020 mol.

Câu 19. Cho 5,2 gam hỗn hợp Y gồm hai amin đơn chức, no, mạch hở tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl thu được 8,85 gam muối. Biết trong hỗn hợp, số mol hai amin bằng nhau. Công thức phân tử của 2 amin là:

A. CH_5N và $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$ B. $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$ và $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ C. $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$ và $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ D. CH_5N và $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$

Câu 20. Cho 5,9 gam amin no, đơn chức X tác dụng với lượng dư dung dịch NaNO_2/HCl , sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất hữu cơ Y. Oxi hóa Y sau một thời gian thu được sản phẩm có chứa một anđehit và một axit, lấy sản phẩm đem phản ứng với Na dư thu được 1,344 lít H_2 . Biết hiệu suất oxi hóa tạo axit là 20%. Xác định CTCT của X.

A. CH_3NH_2 B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ C. $(\text{CH}_3)_2\text{CHNH}_2$ D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{NH}_2$

Câu 21. Amin X có phân tử khối nhỏ hơn 80. Trong phân tử X nitơ chiếm 19,18% về khối lượng. Cho X tác dụng với dung dịch hỗn hợp gồm KNO_2 và HCl thu được ancol Y. Oxi hóa không hoàn toàn Y thu được xeton Z. Phát biểu nào sau đây đúng:

A. Tách nước Y chỉ thu được mỗi anken duy nhất.
B. Trong phân tử X có một liên kết pi .
C. Tên thay thế của Y là propan-2-ol.

D. Phân tử X có mạch cacbon không phân nhánh. **Câu 22.** Cho 24,9 gam hỗn hợp A gồm anlylamin, etylamin, metylamin, isopropylamin phản ứng với dung dịch HCl dư thì sau phản ứng thu được 43,15 gam muối. Mặt khác nếu đốt cháy hoàn toàn 24,9 gam hỗn hợp trên bằng lượng O_2 vừa đủ. Sau phản ứng thu được 26,88 lít CO_2 (đktc). Phần trăm khối lượng anlylamin trong hỗn hợp là:

A. 45,78% B. 22,89% C. 57,23% D. 34,34%

Câu 23. Cho 20 gam hỗn hợp X gồm ba amin no đơn chức là đồng đẳng kế tiếp nhau tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl 1M, cô cạn dung dịch thu được 31,68 gam muối. Đốt cháy m gam X thu được sản phẩm cháy dẫn qua bình đựng $\text{Ca}(\text{OH})_2$ thấy xuất hiện 15 gam kết tủa. Đun nóng dung dịch lại thấy xuất hiện thêm 8,75 gam kết tủa nữa. Biết tỉ lệ mol của các amin theo thứ tự từ amin nhỏ đến amin lớn là 1:10:5, công thức của 3 amin và giá trị m là:

A. CH_3NH_2 , $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$, $\text{C}_3\text{H}_7\text{NH}_2$; m = 4,57 g

B. $C_2H_5NH_2, C_3H_7NH_2, C_4H_9NH_2$; $m = 6,25$ g

C. $CH_3NH_2, C_2H_5NH_2, C_3H_7NH_2$; $m = 6,25$ g

D. $C_2H_5NH_2, C_3H_7NH_2, C_4H_9NH_2$; $m = 4,57$ g

Câu 24. 16,05 gam hỗn hợp X gồm 1 amin thơm, đơn chức và 1 amin no, đơn chức, mạch hở, tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl dư thấy tạo ra 25,175 gam muối. Đốt cháy hết lượng muối tạo thành thu được

20,16 lít CO_2 (đktc). Mặt khác cho m gam X phản ứng hết với dung dịch brom dư thấy xuất hiện $(x/3 + 15y/14)$ gam kết tủa. Nếu đốt cháy m gam hỗn hợp X thì sản phẩm cháy có $V_{CO_2} : V_{H_2O} = x : y$ (tỉ lệ tối giản). m có giá trị gần nhất với:

A. 24

B. 25

C. 24,5

D. 23

Câu 25. Cho 26 gam hỗn hợp 2 amin no đơn chức mạch hở bậc một có số mol bằng nhau tác dụng hết với axit nitơ ở nhiệt độ thường thu được 11,2 lít N_2 (đktc). Kết luận nào sau đây là sai?

A. 2 amin trên có thể là 2 đồng đẳng kế tiếp.

B. Nếu đốt cháy hoàn toàn 26 gam hỗn hợp X thu được 55 gam CO_2 .

C. Tổng khối lượng 2 ancol sinh ra là 26,5 gam

D. Cho amin có phân tử khối nhỏ tác dụng với CH_3I theo tỉ lệ mol 1:1 thu được amin bậc hai có phần trăm khối lượng nitơ là 19,178%.

Câu 26. Hỗn hợp A chứa 2 chất hữu cơ có cùng công thức phân tử $C_mH_nO_2N$. Thủy phân hoàn toàn hỗn hợp A bằng 852,5 ml dung dịch NaOH 1M được dung dịch X và hỗn hợp Y gồm 2 amin. Cho Y phản ứng hoàn toàn với $NaNO_2$ trong dung dịch HCl ở $0 - 5^\circ C$ được hỗn hợp Z gồm 2 ancol là đồng đẳng liên tiếp. Thực hiện tách nước Z trong H_2SO_4 đặc $140^\circ C$ thu được hỗn hợp T. Trong T tổng khối lượng của các ete là 8,04 gam (hiệu suất ete hóa của các ancol đều là 60%). Cô cạn dung dịch X được 54,4 gam chất rắn. Nung chất rắn này với CaO cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 8,96 lít hỗn hợp khí T (đktc). Phần trăm khối lượng của amin có KLPT nhỏ trong hỗn hợp Y gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 28%.

B. 29%.

C. 30%.

D. 31%.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	C	B	D	A	C	A	B	A	B
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
D	C	C	B	A	D	B	B	B	D
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
D	A	B	A	D	B				

2.3. Đề thi giữa học kì 1 môn Hóa học 12 – Số 3**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI****ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: HÓA HỌC 12****Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)**

Câu 1: Từ 16,20 tấn xenlulozơ người ta sản xuất được m tấn xenlulozơ trinitrat (biết hiệu suất phản ứng tính theo xenlulozơ là 90%). Giá trị của m là

- A. 26,73. B. 25,46. C. 33,00. D. 29,70.

Câu 2: Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $C_4H_8O_2$ là

- A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 3: Khi xà phòng hóa tristearin ta thu được sản phẩm là

- A. $C_{15}H_{31}COONa$ và etanol. B. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol.
C. $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol. D. $C_{15}H_{31}COOH$ và glixerol.

Câu 4: Đun nóng este $CH_3COOCH=CH_2$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

- A. CH_3COONa và $CH_2=CHOH$. B. $CH_2=CHCOONa$ và CH_3OH .
C. C_2H_5COONa và CH_3OH . D. CH_3COONa và CH_3CHO .

Câu 5: Đun nóng dung dịch chứa 0,15 mol glucozơ với $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 (dư) thì khối lượng Ag tối đa thu được là

- A. 16,2 gam. B. 10,8 gam. C. 21,6 gam. D. 32,4 gam.

Câu 6: Công thức nào sau đây là của xenlulozơ?

- A. $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$. B. $[C_6H_8O_2(OH)_3]_n$. C. $[C_6H_7O_3(OH)_3]_n$. D. $[C_6H_5O_2(OH)_3]_n$.

Câu 7: Đốt cháy hoàn toàn 0,01 mol một Este X thu được 0,04 mol CO_2 và 0,04 mol H_2O . Công thức phân tử của X là?

- A. $C_2H_4O_2$ B. $C_3H_6O_2$ C. $C_4H_8O_2$ D. $C_5H_{10}O_2$.

Câu 8: Xà phòng hoá hoàn toàn 37,0 gam este là $HCOOC_2H_5$ bằng dung dịch NaOH, đun nóng. Khối lượng NaOH cần dùng là

- A. 8,0g B. 20,0g C. 16,0g D. 12,0g

Câu 9: Khi thủy phân trong môi trường axit Panmitin ta thu được sản phẩm là

- A. $C_{17}H_{35}COONa$ và glixerol. B. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol.
C. $C_{15}H_{31}COONa$ và etanol. D. $C_{15}H_{31}COOH$ và glixerol.

Câu 10: Este etyl axetat có công thức là

- A. $HCOOCH_3$. B. CH_3COOCH_3 . C. $CH_3COOC_2H_5$. D. $C_2H_5COOCH_3$.

Câu 11: Phân tử khối trung bình của xenlulozơ là 1620000. Giá trị n trong công thức $(C_6H_{10}O_5)_n$ là

- A. 9000 B. 7000 C. 10000 D. 8000

Câu 12: Có thể gọi tên este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ là

- A. Triolein B. Tristearin C. Tripanmitin D. Trilinolein

Câu 13: Khi thủy phân chất béo trong môi trường kiềm thì thu được muối của axit béo và

- A. ancol đơn chức. B. phenol. C. este đơn chức. D. glixerol.

Câu 14: Đốt cháy hoàn toàn 7,8 gam este X thu được 0,26 mol CO_2 và 0,26 mol H_2O . Công thức phân tử của este là

- A. $C_3H_6O_2$ B. $C_2H_4O_2$ C. $C_4H_8O_2$ D. $C_4H_8O_4$

Câu 15: Hai chất đồng phân của nhau là

- A. glucozơ và mantozơ. B. fructozơ và glucozơ.
C. fructozơ và mantozơ. D. saccarozơ và glucozơ.

Câu 16: Chất X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

- A. CH_3COOCH_3 . B. C_2H_5COOH . C. $HCOOC_2H_5$. D. $HO-C_2H_4-CHO$.

Câu 17: Đun nóng este $HCOOCH_3$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

- A. $HCOONa$ và C_2H_5OH . B. $HCOONa$ và CH_3OH .
C. CH_3COONa và CH_3OH . D. CH_3COONa và C_2H_5OH .

Câu 18: Cho glixerol phản ứng với hỗn hợp axit béo gồm $C_{17}H_{35}COOH$ và $C_{15}H_{31}COOH$, số loại trieste được tạo ra tối đa là

- A. 6. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 19: Cho sơ đồ chuyển hóa sau: Tinh bột \rightarrow X \rightarrow Y \rightarrow axit axetic. X và Y lần lượt là

- A. ancol etylic, anđehit axetic. B. glucozơ, etyl axetat.
C. glucozơ, anđehit axetic. D. glucozơ, ancol etylic.

Câu 20: Cho dãy các chất: Glucozơ, fructozơ, saccarozơ, mantozơ, tinh bột, xenlulozơ. Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng gương là

- A. 5. B. 6. C. 4. D. 3.

Câu 21: Saccarozơ và glucozơ đều có

- A. phản ứng với dung dịch NaCl.
B. phản ứng với $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 , đun nóng.
C. phản ứng với $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch xanh lam.
D. phản ứng thủy phân trong môi trường axit.

Câu 22: Khi lên men 360 gam glucozơ với hiệu suất 100%, khối lượng ancol etylic thu được là

- A. 276 gam. B. 184 gam. C. 138 gam. D. 92 gam.

Câu 23: Dãy các chất nào sau đây đều có phản ứng thủy phân trong môi trường axit?

- A. Tinh bột, xenlulozơ, glucozơ. B. Tinh bột, xenlulozơ, fructozơ.
C. Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ. D. Tinh bột, saccarozơ, fructozơ

Câu 24: Chất thuộc loại disaccarit là

A. saccarozơ. B. xenlulozơ. C. fructozơ. D. glucozơ.

Câu 25: Trong điều kiện thích hợp glucozơ lên men tạo thành khí CO₂ và

A. C₂H₅OH. B. CH₃COOH. C. HCOOH. D. CH₃CHO.

Câu 26: Cho 35,2 gam hỗn hợp 2 este no đơn chức là đồng phân của nhau có tỉ khối hơi so với H₂ bằng 44 tác dụng với 2 lit dung dịch NaOH 0,4M, rồi cô cạn dung dịch vừa thu được ta được 44,6 gam rắn B. Công thức của 2 este là:

A. HCOOC₂H₅ và CH₃COOCH₃ B. HCOOC₃H₇ và CH₃COOC₂H₅.
C. C₂H₅COOCH₃ và CH₃COOC₂H₅ D. HCOOC₃H₇ và CH₃COOCH₃

Câu 27: Trộn 13,6 gam phenyl axetat với 250 ml dung dịch NaOH 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn cô cạn dung dịch được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là:

A. 8,2 B. 10,2 C. 19,8 D. 21,8

Câu 28: Tính lượng triolein cần để điều chế 5,88 kg glixerol (H = 85%) ?

A. 66,47 kg. B. 56,5 kg. C. 48,025 kg. D. 22,26 kg.

Câu 29: Thể tích của dd axit nitric 63% (D = 1,4 g/ml) cần vừa đủ để sản xuất được 59,4 kg xenlulozơ trinitrat (hiệu suất 80%) là

A. 34,29 lít. B. 53,57 lít. C. 42,86 lít. D. 42,34 lít.

Câu 30: Thủy phân hoàn toàn 3,42 gam saccarozơ trong môi trường axit, thu được dung dịch X. Cho toàn bộ dung dịch X phản ứng hết với lượng dư ddịch AgNO₃ trong NH₃, đun nóng, thu được m gam Ag. Giá trị của m là:

A. 21,60. B. 2,16. C. 4,32. D. 43,20.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

1A	6A	11C	16A	21C	26B
2B	7C	12A	17B	22B	27D
3C	8B	13D	18A	23C	28A
4D	9D	14B	19D	24A	29B
5D	10C	15B	20D	25A	30C

2.4. Đề thi giữa học kì 1 môn Hóa học 12 – Số 4

TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Chọn câu sai:

- A. Khi thay nhóm OH ở nhóm cacboxyl của axit cacboxylic bằng nhóm OR thì được este.
B. Các este thường là những chất lỏng, nhẹ hơn nước, rất ít tan trong nước, có khả năng hòa tan nhiều chất hữu cơ khác nhau.

C. tách bớt este ra khỏi hỗn hợp sản phẩm.

D. tất cả các yếu tố trên.

Câu 13: Thủy phân este E có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ (có mặt H_2SO_4 loãng) thu được 2 sản phẩm hữu cơ X và Y. Từ X có thể điều chế trực tiếp ra Y bằng một phản ứng duy nhất. Tên gọi của E là

A. metyl propionat

B. propyl fomat

C. ancol etylic

D. etyl axetat

Câu 14: Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác là axit sunfuric đặc, nóng. Để có 59,4 kg xenlulozơ trinitrat, cần dùng dung dịch chứa m kg axit nitric (hiệu suất phản ứng là 80%). Giá trị của m là

A. 45,70

B. 47,25

C. 42,5

D. 40,65

Câu 15: Khi xà phòng hóa triolein ta thu được sản phẩm là

A. $C_{15}H_{31}COONa$ và etanol.

B. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol.

C. $C_{15}H_{31}COONa$ và glixerol.

D. $C_{17}H_{33}COONa$ và glixerol.

Câu 16: Glucozơ và fructozơ đều thuộc loại

A. monosaccarit.

B. đisaccarit.

C. polisaccarit.

D. Amino axit.

Câu 17: Xà phòng hoá hoàn toàn 25,792 gam chất béo cần vừa đủ 0,096 mol NaOH. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được khối lượng xà phòng là

A. 16,68 gam.

B. 18,38 gam.

C. 26,688 gam.

D. 17,80 gam.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Dung dịch glucozơ tác dụng với $Cu(OH)_2$ ở điều kiện thường tạo dung dịch xanh lam.

B. Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 oxi hóa glucozơ thành amoni gluconat và tạo ra bạc kim loại.

C. Dẫn khí hidro vào dung dịch glucozơ nung nóng có Ni xúc tác sinh ra sobitol.

D. Dung dịch fructozơ làm mất màu nước brom.

Câu 19: Đun nóng 3,6 gam CH_3COOH với 3,68 gam C_2H_5OH (có H_2SO_4 làm xúc tác) thu được 4,224 gam este. Tính hiệu suất của phản ứng este hóa.

A. 70%

B. 80%

C. 85%

D. 90%

Câu 20: Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
T	Quỳ tím	Quỳ tím hóa xanh
Y	Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 đun nóng	Kết tủa Ag trắng sáng
X, Y	$Cu(OH)_2$	Dung dịch xanh lam
Z	Nước brom	Kết tủa trắng

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. Saccarozơ, glucozơ, anilin, etylamin.

B. Saccarozơ, anilin, glucozơ, etylamin.

C. Anilin, etylamin, saccarozơ, glucozơ.
anilin.

D. Etylamin, glucozơ, saccarozơ,
anilin.

Câu 21: Lên men hoàn toàn m gam glucozơ thành ancol etylic. Toàn bộ khí CO_2 sinh ra trong quá trình này được hấp thụ hết vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ (dư) tạo ra 12 gam kết tủa. Nếu hiệu suất của quá trình lên men là 75% thì giá trị của m là

A. 14,4.

B. 16,8.

C. 12,4.

D. 13,6.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây **không đúng**?

A. Glucozơ và fructozơ là đồng phân cấu tạo của nhau .

B. Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng tráng bạc.

C. Trong dung dịch, glucozơ tồn tại chủ yếu ở dạng mạch vòng.

D. Trong phân tử glucozơ ở dạng mạch hở có 5 nhóm $-\text{OH}$ và 1 nhóm $-\text{CHO}$.

Câu 23: Este nào sau đây có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$

A. Propyl axetat

B. vinyl axetat

C. Etyl axetat

D. Phenyl

axetat

Câu 24: Glucozơ **không** có được tính chất nào dưới đây?

A. Tính chất của nhóm andehit

B. Tính chất poliancol

C. Tham gia phản ứng thủy phân

D. Lên men tạo rượu etylic

Câu 25: Cho dãy các chất: glucozơ, xenlulozơ, saccarozơ, tinh bột, fructozơ. Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng gương là:

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 5.

Câu 26: Công thức nào sau đây là của xenlulozơ?

A. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$. B. $[\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$.

C. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_3(\text{OH})_3]_n$. D. $[\text{C}_6\text{H}_5\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$.

Câu 27: Xà phòng hoàn toàn 4,44 gam hỗn hợp X gồm metyl fomat và etyl axetat cần dùng vừa đủ 500 ml dung dịch NaOH 0,12M. Vậy % về khối lượng của etyl axetat là:

A. 40,54%.

B. 50%.

C. 59,46%.

D. Đáp

án khác.

Câu 28: Khi thủy phân tinh bột ta thu sản phẩm cuối cùng là:

A. aminoaxit.

B. fructozơ.

C. glucozơ.

D.

saccarozơ.

Câu 29: Thủy phân 27,36 gam saccarozơ trong môi trường axit với hiệu suất phản ứng đạt 70% thu được hỗn hợp X. Cho dung dịch NaOH dư vào hỗn hợp X thu được hỗn hợp Y. Hỗn hợp Y hòa tan vừa hết m gam $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ phòng. Trị số m là

A. 6,664 gam

B. 5,488 gam

C. 4,588gam

D. 5,252

gam

Câu 30: Saccarozơ có thể tác dụng với các chất

Câu 3. Metyl acrylat có công thức cấu tạo thu gọn là

- A. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. **B. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$.** C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$. D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

Câu 4. Etyl propionat là este có mùi thơm của dứa. Công thức của etyl propionat là

- A. HCOOC_2H_5 . **B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_2\text{H}_5$.** C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$. D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

Câu 5. Este nào sau đây có mùi thơm của chuối chín?

- A. Isoamyl axetat.** B. Propyl axetat. C. Isopropyl axetat. D. Benzyl axetat.

Câu 6. Đun nóng este $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

- A. CH_3COONa và CH_3OH . **B. CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.**

- C. HCOONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH .

Câu 7. Este nào sau đây tác dụng với dung dịch NaOH thu được natri fomate?

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_2\text{H}_5$. B. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. **D. HCOOCH_3 .**

Câu 8. Este nào sau đây có phản ứng tráng bạc?

- A. HCOOCH_3 .** B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. C. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$.

Câu 9. Ở điều kiện thích hợp, hai chất phản ứng với nhau tạo thành metyl fomate là

- A. HCOOH và NaOH . **B. HCOOH và CH_3OH .**

- C. HCOOH và $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$. D. CH_3COONa và CH_3OH .

Câu 10. Chất nào sau đây khi đun nóng với dung dịch NaOH thu được sản phẩm có anđehit?

- A. $\text{CH}_3\text{-COO-CH}_2\text{-CH=CH}_2$. B. $\text{CH}_3\text{-COO-C(CH}_3\text{)=CH}_2$.

- C. $\text{CH}_2=\text{CH-COO-CH}_2\text{-CH}_3$. **D. $\text{CH}_3\text{-COO-CH=CH-CH}_3$.**

Câu 11. Chất béo là trieste của axit béo với

- A. ancol metylic. B. etylen glicol. C. ancol etylic. **D. glixerol.**

Câu 12. Chất **không** phải axit béo là

- A. axit axetic.** B. axit stearic. C. axit oleic. D. axit panmitic.

Câu 13. Số nguyên tử hydro trong phân tử axit oleic là

- A. 36. B. 31. C. 35. **D. 34.**

Câu 14. Công thức của tristearin là

- A. $(\text{C}_2\text{H}_5\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$. **B. $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.** C. $(\text{CH}_3\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$. D. $(\text{HCOO})_3\text{C}_3\text{H}_5$.

Câu 15. Thủy phân hoàn toàn 1 mol chất béo, thu được

- A. 1 mol etylen glicol. B. 3 mol glixerol.
C. 1 mol glixerol. D. 3 mol etylen glicol.

Câu 16. Chất nào sau đây phản ứng với dung dịch NaOH sinh ra glixerol?

- A. Saccarozơ. B. Glucozơ. C. Metyl axetat. **D. Tristearin.**

Câu 17. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Triolein có khả năng tham gia phản ứng cộng hidro khi đun nóng có xúc tác Ni.
 B. Các chất béo thường không tan trong nước và nhẹ hơn nước.
 C. Chất béo bị thủy phân khi đun nóng trong dung dịch kiềm.

D. Chất béo là trieste của etylen glicol với các axit béo.

Câu 18. Để biến một số dầu thành mỡ rắn hoặc bơ nhân tạo người ta thực hiện quá trình này sau đây:

A. Cô cạn ở nhiệt độ cao.

B. Hidro hóa (có xúc tác Ni).

C. Làm lạnh.

D. Phản ứng xà phòng hóa.

Câu 19. Hidro hóa hoàn toàn 17,68 gam triolein cần vừa đủ V lít khí H_2 (đktc). Giá trị của V là

A. 4,032.

B. 0,448.

C. 1,344.

D. 2,688.

Câu 20. Thủy phân hoàn toàn m gam chất béo bằng dung dịch NaOH, đun nóng thu được 9,2 gam glixerol và 91,8 gam muối. Giá trị của m là

A. 89.

B. 101.

C. 85.

D. 93.

Câu 21. Xà phòng hóa hoàn toàn 3,7 gam $HCOOC_2H_5$ bằng một lượng dung dịch NaOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch sau phản ứng, thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

A. 4,8.

B. 5,2.

C. 3,2.

D. 3,4.

Câu 22. Đốt cháy hoàn toàn 13,2 gam etyl axetat thu được V lít khí CO_2 (đktc). Giá trị của V là

A. 3,36.

B. 8,96.

C. 4,48.

D. 13,44.

Câu 23. Đun nóng 0,1 mol este đơn chức X với 135 ml dung dịch NaOH 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được ancol etylic và 9,6 gam chất rắn khan. Công thức cấu tạo của X:

A. $C_2H_5COOC_2H_5$.

B. $C_2H_5COOCH_3$.

C. $C_2H_3COOC_2H_5$.

D. $CH_3COOC_2H_5$.

Câu 24. Cho sơ đồ chuyển hoá: Triolein \rightarrow X \rightarrow Y \rightarrow Z. Tên gọi của Z là

A. axit oleic.

B. axit linoleic.

C. axit stearic.

D. axit panmitic.

Câu 25. Thủy phân một triglixerit X bằng dung dịch NaOH, thu được hỗn hợp muối gồm natri oleat, natri stearat và glixerol. Có bao nhiêu triglixerit X thỏa mãn tính chất trên?

A. 2.

B. 1.

C. 3.

D. 4.

Câu 26. Thủy phân hoàn toàn hỗn hợp etyl propionat và etyl fomat trong dung dịch NaOH, thu được sản phẩm gồm

A. 1 muối và 1 ancol.

B. 2 muối và 2 ancol.

C. 1 muối và 2 ancol.

D. 2 muối và 1 ancol.

Câu 27. Hợp chất X có công thức phân tử $C_5H_8O_2$, khi tham gia phản ứng xà phòng hóa thu được một anđehit và một muối của axit cacboxylic. Số đồng phân cấu tạo thỏa mãn tính chất trên của X là

A. 3.

B. 2.

C. 5.

D. 4.

Câu 28. Este X mạch hở, có công thức phân tử $C_4H_6O_2$. Đun nóng a mol X trong dung dịch NaOH vừa đủ, thu được dung dịch Y. Cho toàn bộ Y tác dụng với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , thu được 4a mol Ag. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Công thức cấu tạo của X là

A. $HCOO - CH=CH - CH_3$.

B. $CH_2=CH - COO - CH_3$.

C. $CH_3COO - CH=CH_2$.

D. $HCOO - CH_2 - CH=CH_2$.

hợp Q gồm các ancol no, mạch hở, có cùng số nguyên tử cacbon trong phân tử. Đốt cháy hoàn toàn Q, thu được 10,08 lít khí CO_2 (đktc) và 10,8 gam H_2O . Phần trăm khối lượng của nguyên tố O trong Z là

A. 31,79%. B. 36,92%. C. 54,55%. **D. 44,04%.**

2.6. Đề thi giữa học kì 1 môn Hóa học 12 – Số 6

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ là

A. 5. B. 4. C. 2. **D. 3.**

Câu 2: Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

A. 2. B. 3. C. 4. **D. 5.**

Câu 3: Số đồng phân đơn chức ứng với công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ là

A. 2. B. 3. C. 4. **D. 5.**

Câu 4: Số đồng phân đơn chức ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

A. 6. B. 3. C. 4. **D. 5.**

Câu 5: Cho tất cả các đồng phân đơn chức, mạch hở, có cùng công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ lần lượt tác dụng với: Na, NaOH, NaHCO_3 . Số phản ứng xảy ra là

A. 2. B. 5. C. 4. **D. 3.**

Câu 6: Chất X có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$, là este của axit axetic. Công thức cấu tạo thu gọn của X là

A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$. B. $\text{HO}-\text{C}_2\text{H}_4-\text{CHO}$. C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. **D. HCOOC_2H_5 .**

Câu 7: Hợp chất X có công thức cấu tạo: $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}_3$. Tên gọi của X là:

A. etyl axetat. B. metyl propionat. C. metyl axetat. **D. propyl axetat.**

Câu 8: Thủy phân este E có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ (có mặt H_2SO_4 loãng) thu được 2 sản phẩm hữu cơ X và Y. Từ X có thể điều chế trực tiếp ra Y bằng một phản ứng duy nhất. Tên gọi của E là:

A. metyl propionat. B. propyl fomat. C. ancol etylic. **D. etyl axetat.**

Câu 9: Este etyl axetat có công thức là

A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$. B. CH_3COOH . C. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. **D. CH_3CHO .**

Câu 10: Đun nóng este HCOOCH_3 với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

A. CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. B. HCOONa và CH_3OH .
C. HCOONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. **D. CH_3COONa và CH_3OH .**

Câu 11: Este etyl fomat có công thức là

A. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. B. HCOOC_2H_5 . C. $\text{HCOOCH}=\text{CH}_2$. **D. HCOOCH_3 .**

Câu 12: Đun nóng este $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

A. CH_3COONa và CH_3OH .

B. CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

C. HCOONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH .

Câu 13: Thủy phân este X trong môi trường kiềm, thu được natri axetat và ancol etylic. Công thức của X là

A. $\text{C}_2\text{H}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.

B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$

C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$.

D. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.

Câu 14: Este metyl acrilat có công thức là

A. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

B. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$.

C. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$.

D. HCOOCH_3 .

Câu 15: Este vinyl axetat có công thức là

A. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

B. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$.

C. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$.

D. HCOOCH_3 .

Câu 16: Đun nóng este $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH , sản phẩm thu được là

A. $\text{CH}_2=\text{CHCOONa}$ và CH_3OH .

B. CH_3COONa và CH_3CHO .

C. CH_3COONa và $\text{CH}_2=\text{CHOH}$.

D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH .

Câu 17: Đun nóng este $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH , sản phẩm thu được là

A. $\text{CH}_2=\text{CHCOONa}$ và CH_3OH .

B. CH_3COONa và CH_3CHO .

C. CH_3COONa và $\text{CH}_2=\text{CHOH}$.

D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH .

Câu 18: Khi đốt cháy hoàn toàn một este no, đơn chức thì số mol CO_2 sinh ra bằng số mol O_2 đã phản ứng. Tên gọi của este là

A. n-propyl axetat.

B. metyl axetat.

C. etyl axetat.

D. metyl fomat.

Câu 19: Hai chất hữu cơ X_1 và X_2 đều có khối lượng phân tử bằng 60 đvC. X_1 có khả năng phản ứng với: Na , NaOH , Na_2CO_3 . X_2 phản ứng với NaOH (đun nóng) nhưng không phản ứng Na . Công thức cấu tạo của X_1 , X_2 lần lượt là:

A. $\text{CH}_3\text{-COOH}$, $\text{CH}_3\text{-COO-CH}_3$.

B. $(\text{CH}_3)_2\text{CH-OH}$, H-COO-CH_3 .

C. H-COO-CH_3 , $\text{CH}_3\text{-COOH}$.

D. $\text{CH}_3\text{-COOH}$, H-COO-CH_3 .

Câu 20: Cho sơ đồ chuyển hóa sau (mỗi mũi tên là một phương trình phản ứng):

Tinh bột \rightarrow X \rightarrow Y \rightarrow Z \rightarrow metyl axetat. Các chất Y, Z trong sơ đồ trên lần lượt là:

A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3COOH .

B. CH_3COOH , CH_3OH .

C. CH_3COOH , $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

D. C_2H_4 , CH_3COOH .

Câu 21: Một este có công thức phân tử là $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$, khi thủy phân trong môi trường axit thu được axetanđehit. Công thức cấu tạo thu gọn của este đó là

A. $\text{HCOO-C}(\text{CH}_3)=\text{CH}_2$. B. $\text{HCOO-CH}=\text{CH-CH}_3$. C. $\text{CH}_3\text{COO-CH}=\text{CH}_2$. D. $\text{CH}_2=\text{CH-COO-CH}_3$.

Câu 22: Cho glixerol phản ứng với hỗn hợp axit béo gồm $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COOH}$ và $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COOH}$, số loại trieste được tạo ra tối đa là

Câu 2. Đun nóng dd chứa 36g glucozo với ddAgNO₃/NH₃ thì khối lượng Ag thu được tối đa là:

- A. 21,6g
- B. 32,4
- C. 19,8
- D. 43.2

Câu 3. Đun nóng dd chứa m g glucozo với ddAgNO₃/NH₃ thì thu được 32,4 g Ag . giá trị m là:

- A. 21,6g
- B. 108
- C. 27
- D. Số khác.

Câu 4. Đun nóng dd chứa m g glucozo với dd AgNO₃/NH₃ thì thu được 16,2 Ag giá trị m là (H=75%):

- A. 21,6g
- B. 18 g
- C. 10,125g
- D. số khác

Câu 5. Tính lượng kết tủa bạc hình thành khi tiến hành tráng gương hoàn toàn dd chứa 18g glucozo?

- A. 21,6g
- B. 10,8
- C. 5,4
- D. 2,16

Câu 6. Cho 200ml dd glucozo pứ hoàn toàn với dd AgNO₃ trong NH₃ thấy có 10,8g Ag tách ra. Tính nồng độ mol/lít của dd glucozo đã dùng.

- A. 0,25M
- B. 0,05M
- C. 1M
- D. số khác

Câu 7. Đun nóng dd chứa 54g glucozo với lượng dư dd AgNO₃ /NH₃ thì lượng Ag tối đa thu được là m gam. Hiệu suất pứ đạt 75%. Giá trị m là.

- A. 32,4
- B. 48,6
- C. 64,8
- D. 24,3g.

Câu 8. Cho 10,8 gam glucozo phản ứng hoàn toàn với dung dịch AgNO₃/NH₃ (dư) thì khối lượng Ag thu được là:

- A. 2,16 gam

- B.3,24 gam
- C.12,96 gam
- D.6,48 gam

Câu 9: Đun nóng 37,5 gam dung dịch glucozơ với lượng AgNO_3 /dung dịch NH_3 dư, thu được 6,48 gam bạc. Nồng độ % của dung dịch glucozơ là

- A. 11,4 %
- B. 14,4 %
- C. 13,4 %
- D. 12,4 %

Câu 10. Thể tích dung dịch HNO_3 63 % ($D = 1,52 \text{ g/ml}$) cần dùng để tác dụng với lượng dư xenlulozơ tạo 297 gam xenlulozơ trinitrat là

- A. 243,90 ml
- B. 300,0 ml
- C. 189,0 ml
- D. 197,4 ml

Câu 11. Khi lên men 360 gam glucozơ với hiệu suất 100%, khối lượng ancol etylic thu được là:

- A.184 gam
- B.138 gam
- C.276 gam
- D.92 gam

Câu 12. Cho m gam glucozơ lên men, khí thoát ra được dẫn vào dd nước vôi trong dư thu được 55,2g kết tủa trắng. Tính khối lượng glucozơ đã lên men, biết hiệu suất lên men là 92%.

- A. 54
- B. 58
- C. 84
- D. 46

Câu 14. Cho 360gam glucozơ lên men, khí thoát ra được dẫn vào dd nước vôi trong dư thu được m g kết tủa trắng. Biết hiệu suất của quá trình lên men đạt 80%. Giá trị của m là:

- A. 400
- B. 320
- C. 200
- D.160

Câu 15. Lên men glucozơ thành ancol etylic. Toàn bộ khí CO_2 sinh ra trong quá trình này được hấp thụ hết vào dd $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư tạo ra 50 gam kết tủa, biết hiệu suất quá trình lên men đạt 80%. Vậy khối lượng glucozơ cần dùng là:

- A.33,7 gam

B.56,25 gam

C.20 gam

D.90 gam

Câu 16. Cho 18 gam glucozo lên men thành ancol etylic. Khối lượng ancol thu được là bao nhiêu (H=100%)?

A. 9,2 gam.

B. 4,6 gam.

C. 120 gam.

D. 180 gam.

Câu 17. Thủy phân hoàn toàn 1 kg saccarozo thu được :

A. 1 kg glucozo và 1 kg fructozo

B. 2 kg glucozo

C. 2 kg fructozo

D. 0,5263 kg glucozo và 0,5263 fructozo

Câu 18. Khối lượng saccarozo cần để pha 500 ml dung dịch 1M là:

A. 85,5g

B. 342g

C. 171g

D. 684g

Câu 19: Muốn có 2610 gam glucozo thì khối lượng saccarozo cần đem thủy phân hoàn toàn là

A. 4595 gam.

B. 4468 gam.

C. 4959 gam.

D. 4995 gam.

Câu 20. Thủy phân 324 gam tinh bột với hiệu suất phản ứng là 75%, khối lượng glucozo thu được là:

A.360 gam

B.480 gam

C.270 gam

D.300 gam

Câu 21. CO₂ chiếm 0,03% thể tích không khí. muốn có đủ lượng CO₂ cho phản ứng quang hợp để tạo ra 500 g tinh bột thì cần một thể tích không khí là:

A. 1382716,05 lit

B. 1382600,0 lit

C. 1402666,7 lit

D. 1492600,0 lit

Câu 22. Nếu dùng 1 tấn khoai chứa 20% tinh bột thì thu được bao nhiêu kg glucozo? Biết hiệu suất pứ là 70%.

- A. 160,55
- B. 150,64
- C. 155,54
- C.165,65

Câu 23. Khi lên men 1 tấn ngô chứa 65% tinh bột thì khối lượng ancol etylic thu được là bao nhiêu? Biết hiệu suất phản ứng lên men đạt 80%.

- A.290 kg
- B.295,3 kg
- C.300 kg
- D.350 kg

Câu 24. Cho m g tinh bột lên men để sản xuất ancol etylic. Toàn bộ CO_2 sinh ra cho vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ lấy dư được 750 gam kết tủa. Hiệu suất mỗi giai đoạn lên men là 80%. Giá trị của m là:

- A.940 g
- B.949,2 g
- C.950,5 g
- D.1000 g

Câu 25. Lên men 1 tấn tinh bột chứa 5% tạp chất trở thành ancol etylic với hiệu suất của từng giai đoạn là 85%. Khối lượng ancol thu được là:

- A.398,8kg
- B.390 kg
- C.389,8kg
- D. 400kg

Câu 26. Lượng glucozo thu được khi thủy phân 1kg khoai chứa 20% tinh bột (hiệu suất đạt 81%) là:

- A. 162g
- B. 180g
- C. 81g
- D.90g

Câu 27. Xenlulozo trinitrat là chất dễ cháy và nổ mạnh, được điều chế từ xenlulozo và axit nitric. Thể tích axit nitric 63% có $d = 1,52\text{g/ml}$ cần để sản xuất 594 g xenlulozo trinitrat nếu hiệu suất đạt 60% là

- A. 324,0 ml
- B. 657,9 ml
- C. 1520,0 ml
- D. 219,3 ml

Câu 28. Từ 16,20 tấn xenlulozơ người ta sản xuất được m tấn xenlulozơ trinitrat (biết hiệu suất phản ứng tính theo xenlulozơ là 90%). Giá trị của m là

- A. 26,73.
- B. 33,00.
- C. 25,46.
- D. 29,70.

Câu 29. Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác là axit sunfuric đặc, nóng. Để có 29,7 g xenlulozơ trinitrat, cần dùng dd chứa m kg axit nitric (hiệu suất phản ứng là 90%). Giá trị của m là ?

- A. 30
- B/ 21
- C/ 42
- D/ 10.

Câu 30. Xenlulozơ trinitrat là chất dễ cháy và nổ mạnh, được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric. Thể tích axit nitric 63% có $d = 1,52\text{g/ml}$ cần để sản xuất 594 g xenlulozơ trinitrat nếu hiệu suất đạt 60% là

- A. 324,0 ml
- B. 657,9 ml
- C. 1520,0 ml
- D. 219,3 ml

2.8. Đề thi giữa học kì 1 môn Hóa học 12 – Số 8

TRƯỜNG THPT VÕ THỊ SÁU

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Đốt cháy hoàn toàn 5,55 gam hỗn hợp 2 este no, đơn chức, mạch hở là đồng phân của nhau. Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy qua 1 lượng dư dd Ca(OH)_2 thì tạo 22,5 gam kết tủa. Tên gọi của 2 este là:

- A. etyl axetat và metyl propionat
- B. etyl fomiat và metyl axetat
- C. propyl fomiat và metyl axetat
- D. etyl axetat và propyl fomiat

Câu 2: Số hợp chất đơn chức, đồng phân cấu tạo của nhau có cùng CTPT $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ đều tác dụng được với dd NaOH là:

- A. 5.
- B. 3.

C. 6.

D. 4.

Câu 3: Xà phòng hóa 22,2 gam hh 2 este là HCOOC_2H_5 và $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ bằng dd NaOH 1M. Thể tích dd NaOH cần dùng là:

A. 200ml

B. 300 ml

C. 400 ml

D. 500 ml

Câu 4: Đốt cháy hoàn toàn 1,1g hợp chất hữu cơ X người ta thu được 2,2g CO_2 và 0,9g H_2O . Cho 4,4g X tác dụng vừa đủ với 50ml dd NaOH 1M thì tạo 4,8g muối. CTCT của X là:

A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$.

B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

C. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.

D. HCOOC_2H_5 .

Câu 5: Cho 8,8 gam etyl axetat tác dụng với 150 ml dd NaOH 1M. Cô cạn dd sau pứ thì khối lượng chất rắn khan thu được là bao nhiêu?

A. 8,2 gam

B. 10,5 gam.

C. 12,3 gam

D. 10,2 gam

Câu 6: Một hợp chất B có công thức $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. B tác dụng được với NaOH, $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$, nhưng không tác dụng được với Na. CTCT của B phải là:

A. $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)_2$.

B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$.

C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{CH}_3$.

D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}_3$.

Câu 7: Đun nóng 4,4 gam hợp chất hữu cơ A có CTPT của là $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ với dd NaOH dư thu được 4,8gam muối. Tên A là:

A. Etyl axetat

B. Axit butanoic

C. Axit 2-metyl propanoic

D. Metyl propionat

Câu 8: Cho sơ đồ chuyển hóa sau (mỗi mũi tên là một phương trình phản ứng): Tinh bột \rightarrow X \rightarrow Y \rightarrow Z \rightarrow metyl axetat.

Các chất Y, Z trong sơ đồ trên lần lượt là:

A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3COOH .

B. CH_3COOH , CH_3OH .

C. CH_3COOH , $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

D. C_2H_4 , CH_3COOH .

Câu 9: Cho các chất: etyl axetat, anilin, ancol etylic, axit acrylic, phenol, phenylamoni clorua, ancol benzylic, p-crezol. Trong các chất này, số chất tác dụng được với dung dịch NaOH là

A. 4.

B. 6.

C. 5.

D. 3

Câu 10: Xà phòng hoá hoàn toàn 22,2 gam hỗn hợp gồm hai este HCOOC_2H_5 và $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ bằng dung dịch NaOH 1M (đun nóng). Thể tích dung dịch NaOH tối thiểu cần dùng là

A. 400 ml.

B. 300 ml.

C. 150 ml.

D. 200 ml.

Câu 11: Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

A. 3,28 gam.

B. 8,56 gam.

C. 8,2 gam.

D. 10,4 gam.

Câu 12: Cho dãy các chất: HCHO , CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$, HCOOH , $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, HCOOCH_3 . Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng gương là

A. 3.

B. 6.

C. 4.

D. 5.

Câu 13. 21,8 gam chất hữu cơ A chỉ chứa một loại nhóm chức tác dụng với 1 lít dung dịch NaOH 0,5M thu được 24,6 gam muối và 0,1 mol rượu B. Lượng NaOH dư có thể trung hòa hết 0,5 lít dung dịch HCl 0,4. Cho biết công thức cấu tạo thu gọn của A?

A. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$

B. $(\text{CH}_3\text{COO})_2\text{C}_2\text{H}_4$

C. $(\text{CH}_3\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$

D. $\text{C}_3\text{H}_5(\text{COOCH}_3)_3$.

Câu 14: Cho 35,2 gam hỗn hợp 2 este no đơn chức là đồng phân của nhau có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 44 tác dụng với 2 lit dung dịch NaOH 0,4M, rồi cô cạn dung dịch vừa thu được ta được 44,6gam rắn B.

Công thức của 2 este là:

- A. $HCOOC_2H_5$ và CH_3COOCH_3
- B. $HCOOC_3H_7$ và $CH_3COOC_2H_5$.
- C. $C_2H_5COOCH_3$ và $CH_3COOC_2H_5$
- D. $HCOOC_3H_7$ và CH_3COOCH_3

Câu 15: Este X có công thức phân tử $C_7H_{12}O_4$, khi cho 16g X tác dụng vừa đủ với 200g dung dịch NaOH 4% thì thu được một rượu Y và 17,8 gam hỗn hợp 2 muối. Công thức cấu tạo của X là:

- A. $HCOOCH_2CH_2CH_2CH_2OOCCH_3$
- B. $CH_3COOCH_2CH_2CH_2OOCCH_3$
- C. $C_2H_5COOCH_2CH_2CH_2OOCH$
- D. $CH_3COOCH_2CH_2OOC_2H_5$.

Câu 16: Chất thơm P thuộc loại este có công thức phân tử $C_8H_8O_2$. Chất P không được điều chế từ phản ứng của axit và rượu tương ứng, đồng thời không có phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo của P là:

- A. $C_6H_5COOCH_3$
- B. $HCOOCH_2C_6H_5$
- C. $CH_3COOC_6H_5$.
- D. $HCOOC_6H_4CH_3$

Câu 17: Cho 1,76 gam một este của axit cacboxylic no, đơn chức và một rượu no đơn chức phản ứng vừa hết với 40ml dung dịch NaOH 0,5M thu được chất X và chất Y. Đốt cháy hoàn toàn 1,2 gam chất Y cho 2,64 gam CO_2 và 1,44 gam H_2O . Công thức cấu tạo của este:

- A. $CH_3COOCH_2CH_2CH_3$
- B. $CH_3CH_2COOCH_3$
- C. CH_3COOCH_3
- D. $HCOOCH_2CH_2CH_3$.

Câu 18: Cho ancol X tác dụng với axit Y thu được este Z. Làm bay hơi 4,3 gam Z thu được thể tích hơi bằng thể tích của 1,6 gam oxi ở cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất. Biết $M_X > M_Y$. Công thức của Z là:

- A. $CH_3COOCH=CH_2$
- B. $CH_2=CH-COOCH_3$
- C. $HCOOCH=CH-CH_3$
- D. $HCOOCH_2CH=CH_2$.

Câu 19: Thủy phân hoàn toàn 0,1 mol este E mạch hở, chứa một loại nhóm chức cần dùng 0,2 mol NaOH thu được muối và 6,4 gam ancol. Công thức cấu tạo của E là:

- A. $(CH_3COO)_2C_3H_6$

- B. $(\text{HCOO})\text{C}_3\text{H}_5$
C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COO}-\text{OOC}\text{C}_2\text{H}_5$
D. $\text{CH}_2(\text{COOCH}_3)_2$

Câu 20: Thủy phân hoàn toàn A trong 100ml dung dịch NaOH 1M rồi cô cạn dung dịch thu được 6,22 gam chất rắn khan B và một rượu C. Đun nóng rượu C với H_2SO_4 đặc thu được 0,04 mol olefin bé nhất. Công thức của A là:

- A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OOC}-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOCH}_2\text{CH}_3$
B. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OOC}-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOCH}_2\text{CH}_3$
C. $\text{CH}_3\text{OOC}-\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOCH}_3$
D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OOC}-\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOC}_2\text{H}_5$

Câu 21: Cho 0,1 mol este A tác dụng vừa đủ với 0,2 mol KOH thu được H_2O và hỗn hợp muối. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp muối thu được H_2O , K_2CO_3 và 13,2 gam CO_2 . Công thức phân tử của A có thể là:

- A. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_4$
B. $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_4$
C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$
D. $\text{C}_5\text{H}_8\text{O}_4$

Câu 22: Xà phòng hóa hoàn toàn 17,4 gam một este đơn chức cần dùng vừa đủ 300 ml dung dịch NaOH 0,5M thu được muối A và ancol B. Oxi hóa B thu được xeton. Công thức cấu tạo của X là:

- A. $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)_2$
B. $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{CH}(\text{CH}_3)_2$
C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COOCH}(\text{CH}_3)_2$
D. $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)\text{CH}_2\text{CH}_3$

Câu 23: Thủy phân este A trong môi trường axit thu được hỗn hợp 2 chất đều tham gia phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo của A là:

- A. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$
B. $\text{HCOOCH}_2\text{CH}=\text{CH}_2$
C. $\text{HCOOC}(\text{CH}_3)=\text{CH}_2$
D. $\text{HCOOCH}=\text{CH}-\text{CH}_3$

Câu 24: Có bao nhiêu đồng phân đơn chức mạch hở của $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$ có thể tham gia phản ứng tráng gương?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 4

Câu 25: Một este có công thức phân tử $C_4H_6O_2$, khi thủy phân trong môi trường axit thu được anđehit acrylic. Công thức cấu tạo của este là:

- A. $HCOOCH_2CH=CH_2$
- B. $CH_3COOCH=CH_2$
- C. $CH_2=CH-COOCH_3$
- D. $HCOO(CH_3)=CH_2$

Câu 26: Cho các chất sau: axit propionic (1), axeton (2), metyl axetat(3), propan-1-ol(4). Dãy được sắp xếp theo chiều tăng dần nhiệt độ sôi?

Câu 27: Cho 32,7 gam X chỉ chứa một loại nhóm chức tác dụng với 1,5 lit dung dịch NaOH 0,5M thu được 36,9 gam muối và 0,15 mol rượu. Lượng NaOH dư có thể trung hòa hết 0,5 lit dung dịch HCl 0,6M. Công thức cấu tạo của X là:

- A. $CH_3COOC_2H_5$
- B. $(CH_3COO)_2C_2H_4$
- C. $(CH_3COO)_3C_3H_5$
- D. $C_3H_5(COOCH_3)_3$

Câu 28: Xà phòng hóa hoàn toàn 14,55 gam hỗn hợp 2 este đơn chức X,Y cần 150 ml dung dịch NaOH 1,5M. Sau phản ứng cô cạn dung dịch thu được hỗn hợp 2 ancol đồng đẳng kế tiếp và một muối duy nhất. công thức cấu tạo của 2 este là:

- A. $HCOOCH_3, HCOOC_2H_5$
- B. $CH_3COOCH_3, CH_3COOC_2H_5$
- C. $C_2H_5COOCH_3, C_2H_5COOCH_3$
- D. $C_3H_7COOCH_3, C_2H_5COOCH_3$

Câu 29: Trộn 13,6 gam phenyl axetat với 250 ml dung dịch NaOH 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn cô cạn dung dịch được m gam chất rắn khan. Giá trị của m là:

- A. 8,2
- B. 10,2
- C. 19,8
- D. 21,6

Câu 30: Thủy phân este X trong môi trường axit thu được 2 chất hữu cơ A,B. Oxi hóa A tạo ra sản phẩm là chất B. Chất X không thể là:

- A. etyl axetat
- B. etilenglicol oxalate
- C. vinyl axetat
- D. isopropionat

2.9. Đề thi giữa học kì 1 môn Hóa học 12 – Số 9

TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2021-2022
MÔN: HÓA HỌC 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

- Câu 1.** Cho chất X tác dụng với dung dịch NaOH, thu được HCOONa và C₂H₅OH. Chất X là
A. HCOOCH₃. B. C₂H₅COOH. C. HCOOC₂H₅. D. HCOOH.
- Câu 2.** Thủy phân este X trong dung dịch H₂SO₄, thu được CH₂=CHCOOH và CH₃OH. Tên gọi của X là
A. vinyl axetat. B. etyl axetat. C. metyl acrylat. D. metyl propionat.
- Câu 3.** Benzyl axetat là este có mùi thơm của hoa nhài. Công thức của benzyl axetat là
A. C₂H₅COOC₆H₅. B. CH₃COOC₆H₅.
C. C₆H₅COOCH₃. D. CH₃COOCH₂C₆H₅.
- Câu 4.** Chất nào sau đây là axit béo?
A. Axit fomic. B. Axit axetic. C. Axit oleic. D. Axit oxalic.
- Câu 5.** Ở điều kiện thường, chất nào sau đây ở trạng thái lỏng?
A. Triolein. B. Tripanmitin. C. Tristearin. D. Glucozơ.
- Câu 6.** Công thức của triolein là
A. (C₁₇H₃₁COO)₃C₃H₅. B. (C₁₇H₃₃COO)₃C₃H₅. C. (C₂H₅COO)₃C₃H₅. D. (CH₃COO)₃C₃H₅.
- Câu 7.** Xenlulozơ thuộc loại polisaccarit, là thành phần chính tạo nên màng tế bào thực vật, có nhiều trong gỗ, bông gòn. Công thức của xenlulozơ là
A. (C₆H₁₀O₅)_n. B. C₁₂H₂₂O₁₁. C. C₆H₁₂O₆. D. C₂H₄O₂.
- Câu 8.** Saccarozơ là một loại disaccarit có nhiều trong cây mía, hoa thốt nốt, củ cải đường. Công thức phân tử của saccarozơ là
A. C₆H₁₂O₆. B. (C₆H₁₀O₅)_n C. C₁₂H₂₂O₁₁. D. C₂H₄O₂.
- Câu 9.** Dung dịch chất nào sau đây **không** làm đổi màu quỳ tím?
A. Axit glutamic. B. Anilin. C. Lysin. D. Metylamin.
- Câu 10.** Chất nào sau đây là amin bậc 2?
A. H₂N-CH₂-NH₂. B. (CH₃)₂CH-NH₂. C. CH₃-NH-CH₃. D. (CH₃)₃N.
- Câu 11.** Số nguyên tử nitơ trong phân tử lysin là
A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 12.** Amino axit X có phân tử khối bằng 75. Tên của X là
A. alanin. B. glyxin. C. valin. D. lysin.
- Câu 13.** Số liên kết peptit trong phân tử Ala – Gly – Ala – Gly là
A. 1. B. 3. C. 4. D. 2.
- Câu 14.** Trong dung dịch sát khuẩn phòng chống Covid có chứa etanol. Công thức của etanol là
A. CH₃OH. B. C₂H₆. C. CH₃CHO. D. C₂H₅OH.

Câu 15. Nọc độc của các loại côn trùng như kiến, ong,... thường chứa một loại axit có tên gọi là

- A.** axit metanoic. **B.** axit etanoic. **C.** axit propionic. **D.** axit metacrylic.

Câu 16. Thủy phân hỗn hợp metyl fomat và etyl fomat trong dung dịch H_2SO_4 , thu được sản phẩm gồm

- A.** 1 muối và 1 ancol. **B.** 1 muối và 2 ancol. **C.** 1 axit và 2 ancol. **D.** 2 axit và 1 ancol.

Câu 17. Thủy phân hoàn toàn este có công thức $CH_3COOCH_2COOC_2H_5$ trong dung dịch KOH, thu được sản phẩm gồm

- A.** CH_3COOH , $HOCH_2COOH$, C_2H_5OH . **B.** CH_3COOK , $HOCH_2COOK$, C_2H_5OH .
C. C_2H_5COOK , $HOCH_2COOK$, CH_3OH . **D.** C_2H_5COOK , CH_3COOK , C_2H_5OH .

Câu 18. Chất nào sau đây khi đun nóng với dung dịch NaOH thu được sản phẩm có andehit?

- A.** $CH_3-COO-CH_2-CH=CH_2$. **B.** $CH_3-COO-C(CH_3)=CH_2$.
C. $CH_2=CH-COO-CH_2-CH_3$. **D.** $CH_3-COO-CH=CH-CH_3$.

Câu 19. Số đồng phân cấu tạo của este có công thức $C_8H_8O_2$ khi tác dụng với NaOH **không** thu được ancol là

- A.** 4. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 6.

Câu 20. Chất rắn X dạng tinh thể, không màu, tan tốt trong nước, tạo nên vị ngọt sắc của mật ong. Cho X tác dụng với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 dư thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X và Y lần lượt là

- A.** glucozơ và axit gluconic.
B. glucozơ và amoni gluconat.
C. fructozơ và amoni gluconat.
D. fructozơ và axit gluconic.

Câu 21. Cho dãy các chất: glucozơ, saccarozơ, xenlulozơ, tinh bột. Số chất trong dãy tham gia phản ứng thủy phân là

- A.** 1. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 2.

Câu 22. Cho dãy các dung dịch: glucozơ, saccarozơ, anbumin, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là

- A.** 1. **B.** 4. **C.** 3. **D.** 2.

Câu 23. Đun nóng dung dịch chứa 18 gam hỗn hợp glucozơ và fuctozơ với lượng dư dung dịch $AgNO_3/NH_3$ đến phản ứng hoàn toàn, thu được m gam Ag. Giá trị của m là

- A.** 5,4 gam. **B.** 21,6 gam. **C.** 10,8 gam. **D.** 43,2 gam.

Câu 24. Lên men hoàn toàn m gam glucozơ thành ancol etylic. Toàn bộ khí CO_2 sinh ra trong quá trình này được hấp thụ hết vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư tạo ra 60 gam kết tủa. Nếu hiệu suất của quá trình lên men là 75% thì giá trị của m là

- A.** 72. **B.** 54. **C.** 43,2. **D.** 48.

Câu 25. Khi đốt cháy hoàn toàn 8,64 gam hỗn hợp glucozơ và saccarozơ cần vừa đủ 0,3 mol O_2 , thu được CO_2 và m gam H_2O . Giá trị của m là

- A.** 5,04. **B.** 7,20. **C.** 4,14. **D.** 3,60.

Câu 26. Đốt cháy hoàn toàn m gam amin X (no, đơn chức, mạch hở) thu được CO_2 , H_2O và V lít khí N_2 (đktc). Cho m gam X tác dụng vừa đủ với 500 ml dung dịch H_2SO_4 0,5M. Giá trị của V là

A. 8,96. **B. 5,6.** C. 6,72. D. 11,2.

Câu 27. Đốt cháy hoàn toàn amin đơn chức X bằng O_2 , thu được 1,12 lít N_2 ; 8,96 lít CO_2 (các khí đo ở đktc) và 8,1 gam H_2O . Công thức phân tử của X là

A. $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$. **B. $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$.** C. $\text{C}_4\text{H}_9\text{N}$. D. $\text{C}_3\text{H}_7\text{N}$.

Câu 28. Cho các chất sau: metylamin, alanin, metylamoni clorua, natri axetat. Số chất phản ứng được với dung dịch HCl là

A. 3. **B. 4.** C. 2. D. 1.

Câu 29. Cho dãy các chất: phenol, anilin, phenylamoni clorua, natri phenolat, etanol. Số chất trong dãy phản ứng được với NaOH (trong dung dịch) là

A. 3. **B. 2.** C. 1. D. 4.

Câu 30. Cho 0,1 mol axit glutamic vào 150 ml dung dịch HCl 2M, thu được dung dịch X. Cho dung dịch NaOH dư vào X. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số mol NaOH tham gia phản ứng là

A. 0,50 mol. **B. 0,65 mol.** C. 0,35 mol. D. 0,55 mol.

Câu 31. Thủy phân hoàn toàn Ala–Glu–Val bằng 200 ml dung dịch NaOH 1M vừa đủ, sau phản ứng thu được m gam muối. Giá trị của m là

A. 22,05. **B. 38,4.** C. 44,1. D. 22,3.

Câu 32. Cho các phát biểu sau:

- (a) Ở dạng mạch hở, fructozơ chứa 5 nhóm OH đều cạnh nhau và 1 nhóm CO.
- (b) Trong tinh bột, amilopectin thường chiếm tỉ lệ cao hơn.
- (c) Có thể dùng vôi tôi bôi lên vết đốt do côn trùng như kiến, ong, ... để giảm sưng tấy.
- (d) Các amino axit thiên nhiên là những hợp chất cơ sở để kiến tạo nên các loại protein của cơ thể sống.
- (e) Thủy phân hoàn toàn fibroin của tơ tằm chỉ thu được các α – amino axit.

Số phát biểu đúng là

A. 1. **B. 2.** C. 3. D. 4.

Câu 33. X là một este đa chức mạch hở có công thức phân tử $\text{C}_8\text{H}_{10}\text{O}_4$. Thủy phân hoàn toàn X trong môi trường axit thu được axit cacboxylic Y đa chức, chất hữu cơ Z và chất hữu cơ T. Biết Z và T có cùng số nguyên tử cacbon, Y có đồng phân hình học. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. X có 2 công thức cấu tạo thỏa mãn.
- B. Cho a mol Y tác dụng với NaHCO_3 dư tạo ra a mol khí.
- C. Cho a mol Y tác dụng với Na dư tạo ra a mol khí.
- D. Z và T có cùng công thức đơn giản nhất.

Câu 34. Thủy phân hoàn toàn a gam triglixerit X trong dung dịch NaOH, thu được glixerol và dung dịch chứa m gam hỗn hợp muối (gồm natri oleat; natri panmitat và $\text{C}_{17}\text{H}_y\text{COONa}$). Đốt cháy hoàn toàn

2a gam X cần vừa đủ 51,408 lít khí O_2 , thu được H_2O và 36,96 lít khí CO_2 . Các thể tích khí đều đo ở đktc. Giá trị của m là

- A.** 13,23. **B.** 16,12. **C.** 26,46. **D.** 32,24.

Câu 35. Cho 0,05 mol hỗn hợp hai este đơn chức X và Y tác dụng vừa đủ với dung dịch KOH thu được hỗn hợp Z gồm các chất hữu cơ. Đốt cháy hoàn toàn Z thu được H_2O ; 0,12 mol CO_2 và 0,03 mol K_2CO_3 . Làm bay hơi Z thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A.** 4,56. **B.** 6,62. **C.** 5,47. **D.** 5,52.

Câu 36. Đốt cháy hoàn toàn 14,8 gam hỗn hợp X gồm hai este đồng phân bằng khí O_2 dư, thu được 13,44 lít khí CO_2 và 10,8 gam H_2O . Nếu cho 14,8 gam X tác dụng hết với 350 ml dung dịch NaOH 1M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thì thu được 20,3 gam chất rắn khan, trong đó có a mol muối Y và b mol muối Z ($M_Y < M_Z$). Các thể tích khí đều đo ở đktc. Tỷ lệ a: b là

- A.** 2: 3. **B.** 1: 1. **C.** 1: 3. **D.** 3: 1.

Câu 37. Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp X gồm etyl propionat, metyl metacrylat và hai ankin cần vừa đủ V lít O_2 (đktc) tạo ra 7,92 gam H_2O . Mặt khác nếu cho 0,4 mol X vào dung dịch Br_2 dư thấy có 0,3 mol Br_2 phản ứng. Giá trị của V là:

- A.** 13,44. **B.** 16,128. **C.** 11,648 **D.** 13,664.

Câu 38. Hỗn hợp khí X chứa một amin no, đơn chức, mạch hở và một anken. Đốt cháy hoàn toàn 0,3 mol hỗn hợp X, thu được N_2 ; 15,68 lít CO_2 (đktc) và 18 gam H_2O . Nếu cho toàn bộ lượng amin có trong 0,6 mol X tác dụng vừa đủ với HNO_3 thì thu được m gam muối. Giá trị của m là

- A.** 43,2. **B.** 18,6. **C.** 21,6. **D.** 10,8.

Câu 39. Hỗn hợp E gồm ba este X, Y, Z đều mạch hở ($M_X < M_Y < M_Z$). Cho 12,72 gam E tác dụng vừa đủ với 140 ml dung dịch KOH 1M, thu được một muối duy nhất của axit cacboxylic và hỗn hợp Q gồm các ancol no, mạch hở, có cùng số nguyên tử cacbon trong phân tử. Đốt cháy hoàn toàn Q trong oxi dư, sau đó dẫn sản phẩm cháy qua bình đựng nước vôi trong dư thì thu được 18 gam kết tủa đồng thời khối lượng bình nước vôi trong dư tăng 12,24 gam. Phần trăm khối lượng của nguyên tố O trong Z là

- A.** 31,79%. **B.** 36,92%. **C.** 54,55%. **D.** 44,04%.

Câu 40. Tiến hành thí nghiệm xà phòng hoá theo các bước sau:

Bước 1: Cho vào bát sứ khoảng 1 ml dầu lạc và 2 – 2,5 ml dung dịch NaOH nồng độ 40%.

Bước 2: Đun sôi nhẹ hỗn hợp khoảng 30 phút và khuấy liên tục bằng đũa thủy tinh, thỉnh thoảng thêm vài giọt nước cất để giữ cho thể tích của hỗn hợp không đổi.

Bước 3: Rót thêm vào hỗn hợp 4 – 5 ml dung dịch NaCl bão hoà nóng, khuấy nhẹ rồi để nguội.

Có các phát biểu sau:

(a) Sau bước 1, thu được chất lỏng không đồng nhất.

(b) Sau bước 3, thấy có lớp chất rắn màu trắng nổi lên là glixerol.

(c) Mục đích chính của việc thêm dung dịch NaCl ở bước 3 là làm tăng tốc độ của phản ứng xà phòng hoá.

(d) Sản phẩm thu được sau bước 3 đem tách hết chất rắn không tan, chất lỏng còn lại hòa tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo thành dung dịch màu xanh lam.

(e) Có thể thay thế dầu lạc bằng dầu mỡ bôi trơn thì hiện tượng ở bước 3 vẫn xảy ra tương tự.

Số phát biểu đúng là

A. 2.

B. 5.

C. 3.

D. 4.

2.10. Đề thi giữa học kì 1 môn Hóa học 12 – Số 10

TRƯỜNG THPT DIÊN HỒNG

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: HÓA HỌC 12

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

A. Khi thay nhóm OH ở nhóm cacboxyl của axit cacboxylic bằng nhóm OR thì được este.

B. Các este thường là những chất lỏng, nhẹ hơn nước, rất ít tan trong nước, có khả năng hòa tan nhiều chất hữu cơ khác nhau.

c. Phản ứng giữa ancol và axit tạo thành este và nước được gọi là phản ứng este hóa.

D. Este có nhiệt độ sôi thấp vì este không tan trong nước.

Câu 2. Khối lượng NaOH cần dùng để xà phòng hóa 11,1 gam metyl axetat là

A. 6 gam

B. 12,3 gam

C. 8 gam

D. 13,2 gam

Câu 3. Vinyl axetat có công thức là

A. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

B. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$.

C. $\text{CH}_2=\text{CHCOOCH}_3$.

D. HCOOCH_3 .

Câu 4. Xà phòng hóa 2,64 gam etyl axetat bằng 500 ml dung dịch NaOH 0,1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là:

A. 3,26 gam.

B. 2,46 gam.

C. 4,52 gam.

D. 2,36 gam

Câu 5. Dãy các chất sau được sắp xếp theo chiều nhiệt độ sôi tăng dần là

- A. CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$, $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$.
- B. CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$, $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.
- C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$, CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.
- D. HCOOCH_3 , $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$, CH_3COOH .

Câu 6. Khối lượng phân tử xenlulozơ trong sợi bông là 2592000. Tính số gốc glucozơ trong phân tử xenlulozơ tên là

- A. 15000
- B. 13500
- C. 16000
- D. 16200

Câu 7. Thủy phân 1 este đơn chức thu được 2,72 g muối natri fomat và 1,84 g ancol. Tên của este đó là:

- A. etyl axetat
- B. metyl fomat
- C. metyl axetat
- D. etyl fomat

Câu 8. Xà phòng hoá hỗn hợp gồm $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ và $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ thu được sản phẩm gồm:

- A. Hai muối và hai ancol
- B. Hai muối và một ancol
- C. Một muối và hai ancol
- D. Một muối và một ancol

Câu 9. Hợp chất Y có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. Khi cho Y tác dụng với dung dịch NaOH sinh ra chất Z có công thức $\text{C}_3\text{H}_5\text{O}_2$ Công thức cấu tạo của Y là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_2\text{H}_5$.
- B. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.
- C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$.
- D. HCOOC_3H_7 .

Câu 10. Số đồng phân là este có khả năng phản ứng tráng bạc ứng với công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ là

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 11. Hidro hóa hoàn toàn m gam triolein thu được 22,25 gam tristearin. Giá trị của m là ?

- A. 24,55g
- B. 26,25g
- C. 22,1 g

D. 26,68g

Câu 12. Để tăng hiệu suất phản ứng este hoá cần

- A. tăng nồng độ một trong các chất ban đầu.
- B. dùng chất xúc tác H_2SO_4 đặc.
- C. tách bớt este ra khỏi hỗn hợp sản phẩm.
- D. tất cả các yếu tố trên.

Câu 13. Thủy phân este E có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ (có mặt H_2SO_4 loãng) thu được 2 sản phẩm hữu cơ X và Y. Từ X có thể điều chế trực tiếp ra Y bằng một phản ứng duy nhất. Tên gọi của E là

- A. methyl propionat
- B. propyl fomat
- C. ancol etylic
- D. etyl axetat

Câu 14. Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác là axit sunfuric đặc, nóng. Để có 59,4 kg xenlulozơ trinitrat, cần dùng dung dịch chứa m kg axit nitric (hiệu suất phản ứng là 80%). Giá trị của m là

- A. 45,70
- B. 47,25
- C. 42,5
- D. 40,65

Câu 15. Khi xà phòng hóa triolein ta thu được sản phẩm là

- A. $C_{15}H_{31}COONa$ và etanol.
- B. $C_{17}H_{35}COOH$ và glixerol.
- C. $C_{15}H_{31}COONa$ và glixerol.
- D. $C_{17}H_{33}COONa$ và glixerol.

Câu 16. Glucozơ và fructozơ đều thuộc loại

- A. monosaccarit.
- B. disaccarit.
- C. polisaccarit.
- D. Amino axit.

Câu 17. Xà phòng hoá hoàn toàn 25,792 gam chất béo cần vừa đủ 0,096 mol NaOH. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được khối lượng xà phòng là

- A. 16,68 gam.
- B. 18,38 gam.
- C. 26,688 gam.
- D. 17,80 gam.

Câu 18. Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Dung dịch glucozơ tác dụng với $Cu(OH)_2$ ở điều kiện thường tạo dung dịch xanh lam.
- B. Dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 oxi hóa glucozơ thành amoni gluconat và tạo ra bạc kim loại.

C. Dẫn khí hidro vào dung dịch glucozơ nung nóng có Ni xúc tác sinh ra sobitol.

D. Dung dịch fructozơ làm mất màu nước brom.

Câu 19. Đun nóng 3,6 gam CH_3COOH với 3,68 gam $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ (có H_2SO_4 làm xúc tác) thu được 4,224 gam este. Tính hiệu suất của phản ứng este hóa.

A. 70%

B. 80%

C. 85%

D. 90%

Câu 20. Kết quả thí nghiệm của các dung dịch X, Y, Z, T với thuốc thử được ghi ở bảng sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
T	Quỳ tím	Quỳ tím hóa xanh
Y	Dung dịch AgNO_3 trong NH_3 đun nóng	Kết tủa Ag trắng sáng
X, Y	$\text{Cu}(\text{OH})_2$	Dung dịch xanh lam
Z	Nước brom	Kết tủa trắng

X, Y, Z, T lần lượt là:

A. Saccarozơ, glucozơ, anilin, etylamin.

B. Saccarozơ, anilin, glucozơ, etylamin.

C. Anilin, etylamin, saccarozơ, glucozơ.

D. Etylamin, glucozơ, saccarozơ, anilin.

Câu 21. Lên men hoàn toàn m gam glucozơ thành ancol etylic. Toàn bộ khí CO_2 sinh ra trong quá trình này được hấp thụ hết vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ (dư) tạo ra 12 gam kết tủa. Nếu hiệu suất của quá trình lên men là 75% thì giá trị của m là

A. 14,4.

B. 16,8.

C. 12,4.

D. 13,6.

Câu 22. Phát biểu nào sau đây **không đúng**?

A. Glucozơ và fructozơ là đồng phân cấu tạo của nhau .

B. Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng tráng bạc.

C. Trong dung dịch, glucozơ tồn tại chủ yếu ở dạng mạch vòng.

D. Trong phân tử glucozơ ở dạng mạch hở có 5 nhóm $-\text{OH}$ và 1 nhóm $-\text{CHO}$.

Câu 23. Este nào sau đây có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$

A. Propyl axetat

B. vinyl axetat

C. Etyl axetat

D. Phenyl axetat

Câu 24. Glucozơ **không** có được tính chất nào dưới đây?

A. Tính chất của nhóm andehit

B. Tính chất poliandehit

C. Tham gia phản ứng thủy phân

D. Lên men tạo rượu etylic

Câu 25. Cho dãy các chất: glucozơ, xenlulozơ, saccarozơ, tinh bột, fructozơ. Số chất trong dãy tham gia phản ứng tráng gương là:

A. 3.

B. 4.

C. 2.

D. 5.

Câu 26. Công thức nào sau đây là của xenlulozơ?

A. $[C_6H_7O_2(OH)_3]_n$.

B. $[C_6H_8O_2(OH)_3]_n$.

C. $[C_6H_7O_3(OH)_3]_n$.

D. $[C_6H_5O_2(OH)_3]_n$.

Câu 27. Xà phòng hoàn toàn 4,44 gam hỗn hợp X gồm metyl fomat và etyl axetat cần dùng vừa đủ 500 ml dung dịch NaOH 0,12M. Vậy % về khối lượng của etyl axetat là:

A. 40,54%.

B. 50%.

C. 59,46%.

D. Đáp án khác.

Câu 28. Khi thủy phân tinh bột ta thu sản phẩm cuối cùng là:

A. aminoaxit.

B. fructozơ.

C. glucozơ.

D. saccarozơ.

Câu 29. Thủy phân 27,36 gam saccarozơ trong môi trường axit với hiệu suất phản ứng đạt 70% thu được hỗn hợp X. Cho dung dịch NaOH dư vào hỗn hợp X thu được hỗn hợp Y. Hỗn hợp Y hòa tan vừa hết m gam $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ phòng. Trị số m là

A. 6,664 gam

B. 5,488 gam

C. 4,588gam

D. 5,252 gam

Câu 30. Saccarozơ có thể tác dụng với các chất

A. $H_2/Ni, t^\circ$; $Cu(OH)_2, t^\circ$

B. $Cu(OH)_2, t^\circ$; CH_3COOH/H_2SO_4 đặc, t°

C. $Cu(OH)_2, t^\circ$; dd $AgNO_3/NH_3$

D. $H_2/Ni, t^\circ$; CH_3COOH/H_2SO_4 đặc, t°

Câu 31. Khối lượng của tinh bột cần dùng trong quá trình lên men để tạo thành 8 lít ancol etylic 46⁰ là (biết hiệu suất của mỗi quá trình là 75%, khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất là 0,8 g/ml).

A. 9,216 kg.

B. 8,354 kg.

C. 9,362 kg.

D. 8,542 kg.

Câu 32. Trong phân tử amilozơ

- A. các gốc α -glucozơ nối với nhau bởi liên kết α -1,6-glicozit tạo thành chuỗi dài không phân nhánh.
- B. các gốc α -glucozơ nối với nhau bởi liên kết α -1,4-glicozit tạo thành chuỗi dài không phân nhánh.
- C. các gốc β -glucozơ nối với nhau bởi liên kết β -1,2-glicozit tạo thành chuỗi dài không phân nhánh.
- D. các gốc β -glucozơ nối với nhau bởi liên kết β -1,4-glicozit tạo thành chuỗi dài không phân nhánh.

Câu 33. Cho các chất có công thức cấu tạo như sau: $\text{HOCH}_2\text{-CH}_2\text{OH}$ (X); $\text{HOCH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{OH}$ (Y); glucozơ (Z); tinh bột (R); $\text{CH}_3\text{-CHOH-CH}_2\text{OH}$ (T). Những chất tác dụng được với Cu(OH)_2 tạo thành dung dịch màu xanh lam là

- A. X, Y, R, T. B. X, Z, T. C. Z, R, T. D. X, Y, Z, T.

Câu 34. Cho các phát biểu sau:

- (1) Fructozơ và glucozơ đều có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc
- (2) Saccarozơ và tinh bột đều không bị thủy phân khi có axit H_2SO_4 (loãng) là xúc tác
- (3) Tinh bột được tạo thành trong cây xanh nhờ quá trình quang hợp
- (4) Xenlulozơ và saccarozơ đều thuộc loại disaccarit

Phát biểu đúng là:

- A. (1) và (2) B. (3) và (4) C. (2) và (4) D. (1) và (3)

Câu 35. Đốt cháy hoàn toàn 1,224 gam este A thu được 2,64 gam CO_2 và 1,08 H_2 Tìm CTPT của A.

- A. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$
- B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$
- C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$
- D. $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}_2$

Câu 36. Cho sơ đồ chuyển hóa. Tên của Z là

- A. axit oleic
- B. axit lineoleic
- C. axit stearic
- D. axit panmitic

Câu 37. Đun nóng dung dịch chứa m gam glucozơ với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 thì thu được 4,968 g Ag. Giá trị m là:

- A. 2,52g
- B. 4,14
- C. 3,52
- D. 6,54

Câu 38. Lên men 5kg glucozơ có lẫn 10% tạp chất với hiệu suất 80%. Tính thể tích ancol 40⁰ thu được biết ancol nguyên chất có khối lượng riêng là 0,8g/ml.

- A. 5,75 lít
- B. 4,68 lít

C. 4,05 lít

D. 3,60 lít

Câu 39. Có một số nhận xét về cacbonhidrat như sau:

(1) Saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ đều có thể bị thủy phân.

(2) Glucozơ, fructozơ, saccarozơ đều tác dụng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ và có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc.

(3) Tinh bột và xenlulozơ là đồng phân cấu tạo của nhau.

(4) Phân tử xenlulozơ được cấu tạo bởi nhiều gốc β -glucozơ.

(5) Thủy phân tinh bột trong môi trường axit sinh ra fructozơ.

Trong các nhận xét trên, số nhận xét đúng là

A. 2.

B. 4.

C. 3.

D. 5.

Câu 40. Khi đốt cháy hoàn toàn 12,32 gam chất hữu cơ X đơn chức thu được sản phẩm cháy chỉ gồm 12,544 lít CO_2 (đktc) và 10,08 gam nước. Nếu cho 12,32 gam X tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 13,44 gam muối của axit hữu cơ Y và chất hữu cơ Z. Tên của X là

A. etyl propionat

B. etyl axetat

C. metyl fommat

D. metyl propionat

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 10

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
D	A	B	A	D	C	D	C	C	B
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
C	D	D	B	D	A	C	D	B	A
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
A	B	C	C	C	A	C	C	A	B
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A	B	B	D	D	C	B	A	A	D